

Đường về Xứ Phật - Tập 4 (Phần 1/3)

ISSN: 2734-9195 10:15 14/09/2024

Nhờ có vấn đạo, ta mới biết cách tu tập xả ly, đoạn diệt thế giới hữu hình và thế giới siêu hình. Chính nhờ ly dục, ly ác pháp của ý thức và của tưởng thức mà thân tâm chúng ta mới được thanh thản, an lạc và vô sự.

Đường về Xứ Phật - Tập 4 (Phần 1/3)

BÓNG THỜI GIAN

“Tác bóng thời gian một tác vàng

Tác vàng tìm được không gì khó

Tác bóng thời gian khó hỏi han”



LỜI NÓI ĐẦU

“Người đi tu mà không học là tu mù, người có học mà không tu như cái tủ đựng kinh sách”. Người tu có học hiểu mà không thưa hỏi kinh nghiệm của thiện hữu tri thức, tự kiến giải, tự tu thì cũng giống như người đi lạc trong rừng sâu chẳng biết đường ra. Cho nên sự tu hành theo Phật giáo không thưa hỏi, không nghiên cứu thông suốt giáo pháp tu tập thì trăm ngàn người đều tu sai, tu không tới nơi tới chốn, tu vô ích.

Tự kiến giải tu, đó là một điều sai. Tu tập chưa tới đâu, vội đem ra hướng dẫn người khác tu hành, thì cũng giống như người mù, dắt một bầy mù đi. Tất cả đều có thể sa hầm lọt hố và chết chùm nhau cả đám trong rừng sâu, trong biển cả, trong sa mạc v.v..

Tất cả những người tu theo đạo Phật hiện nay đều đang đi trên lộ trình này, đang lạc vào mê hồn trận của kiến giải, tưởng giải của các Tổ, của kinh sách các Tổ biên soạn viết ra.

Ngôn ngữ danh từ không đủ để diễn tả chính xác những trạng thái kinh nghiệm tu hành.

Một khi, muốn hành động tu tập thân tâm một điều gì, thì cần phải thưa hỏi rất kỹ với một thiện hữu tri thức, một người tu hành đã chứng đạt chân lí. Đừng vội vàng nghe những lý thuyết suông của người tu hành chưa chứng đạt chân lí. Đó là sự kiến giải, tưởng giải của họ. Và các bạn cũng đừng tự nghĩ cho rằng mình đã hiểu, rồi cứ theo sự suy nghĩ hiểu biết đó mà tu tập, thì chẳng bao giờ tu tập có kết quả, chỉ dậm chân tại chỗ hoặc thành bệnh mà thôi.

Sự tu tập như vậy chẳng tu tập đến đâu, mà còn dẫn đến chỗ tu sai lạc, nhất là sai lệch vào chỗ thiên ức chế tâm, rất là nguy hiểm có thể bị điên khùng, tẩu hỏa nhập ma, thường tu hành không tiến bộ, tu mãi chẳng đi đến đâu, còn lại thêm bệnh tật khổ đau, chỉ uống phí một đời tu, chẳng lợi gì cho mình cho người, còn hoài công vô ích.

Trong phần vấn đạo vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho người, khiến cho mình thông suốt đường lối và phương pháp cách thức tu tập, không còn nghi ngờ đường lối và giáo pháp tu hành của Phật giáo là sai lạc nữa, khiến cho tâm mình tin chắc tu tập sẽ thành công, đến nơi đến chốn.

Bắt đầu tu tập từng bước một, không vội vàng, không nôn nóng. Mỗi bước tu tập là mỗi bước đi vững vàng, mỗi kết quả cụ thể. Tu tập như

vậy, càng ngày càng thấy tiến bộ xả tâm rõ rệt, nhờ thế tu tập có kết quả như vậy, nên khiến mình thông suốt, đâu là Chánh pháp của Phật và đâu là tà pháp của ngoại đạo. Và cũng biết rất rõ tà giáo ngoại đạo đang xen lẫn trong giáo pháp của đạo Phật. Biết rõ như vậy, nên khiến cho mình vững vàng niềm tin ở Chánh pháp môn của mình đang tu tập. Đó chính là pháp môn của đạo Phật, chứ không còn sợ sai lạc vào tà pháp của ngoại đạo như trước kia nữa.

Từ lâu ai cũng đang sống trong sự vô minh, đen tối, mờ mịt, chẳng thấy rõ pháp môn nào của đạo Phật và pháp nào của ngoại đạo. Nhiều khi chúng ta nhận lầm pháp môn của ngoại đạo (Đại Thừa) là pháp môn của Phật. Đó là điều chắc chắn, mà không còn ai dám khẳng định giáo pháp Đại Thừa là giáo pháp chân chánh của Phật giáo.

Nhờ có vấn đạo ta mới thoát khỏi màn mây đen tối của các pháp tà sư ngoại đạo đang phủ mờ giáo pháp của Phật giáo từ bao thế kỷ nay.

Nhờ có vấn đạo ta mới hiểu rõ, thế giới siêu hình và hữu hình đều là thế giới tưởng (thế giới không có thật).

Nhờ có vấn đạo ta mới rõ thế giới hữu hình và siêu hình là thế giới tưởng của con người, nên mạnh tay đập phá cái thế giới siêu hình mê tín đó, đã gây biết bao nhiêu sự rắc rối, tạo biết bao nhiêu hao tổn tiền của và đau khổ của loài người, cũng vì cái thế giới đó, khiến cho con người đánh mất đạo đức nhân bản - nhân quả, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai.

Từ thế giới siêu hình đó, con người đã mất đi sức tự lực, chỉ còn lại một tinh thần yếu đuối tha lực, luôn luôn biết dựa nương và cầu cạnh vào những hình ảnh trừu tượng, mờ ảo của những vị thần linh, của những vị Bồ Tát tưởng tượng thuộc tưởng tri do sự hoạt động của tưởng uẩn.

Bởi vậy, chúng ta cần phải cảnh giác đừng để những mảnh khoe lừa đảo của các nhà học giả giàu tưởng tượng.

Nhờ vấn đạo ta mới thấu rõ các pháp thế gian là do duyên hợp, nên ta dễ dàng buông xả thế giới hữu hình vật chất.

Nhờ vấn đạo ta đã biết rõ thế giới chúng ta đang sống, cũng chỉ là một thế giới tưởng của con người. Nhưng chúng ta đang bị trí tuệ u tối, vô minh che khuất từ biết bao nhiêu đời kiếp, khiến cho con người lầm chấp cho thế giới chúng ta đang sống là thật có. Do cho thế giới chúng ta đang sống là thật có nên dính mắc các pháp, chạy theo các pháp,

tạo biết bao điều ác độc đau khổ cho mình, cho người và cho tất cả chúng sanh, cũng vì thế mà con người chịu trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi từ kiếp này sang kiếp khác mãi mãi không bao giờ dứt.

Nhờ có vấn đạo, ta mới biết cách tu tập xả ly, đoạn diệt thế giới hữu hình và thế giới siêu hình. Chính nhờ ly dục, ly ác pháp của ý thức và của tưởng thức mà thân tâm chúng ta mới được thanh thản, an lạc và vô sự.

Nhờ có vấn đạo ta mới thấu rõ thiên định nào đúng hoặc sai của đạo Phật, không bị giáo pháp Bà La Môn lừa đảo.

Nhờ có vấn đạo ta mới thấu rõ đạo Phật có bốn loại định:

1/ Định Chánh Niệm Tỉnh Giác.

2/ Định Vô Lậu.

3/ Định Niệm Hơi Thở.

4/ Định Sáng Suốt.

Khởi đầu tu bốn loại định này bằng pháp môn Tứ Chánh Cần. Dùng bốn loại định này ngăn ác diệt ác pháp, khởi thiện tăng trưởng thiện pháp, tức là diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp.

Nhờ có vấn đạo ta không rơi vào thiên ức chế tâm và tu tập đúng thiên xả ly tâm, nên thân tâm chúng ta thường thanh thản, an lạc và vô sự như đất trời bao la giải thoát .

Nhờ có vấn đạo ta mới thông suốt “Tam Vô Lậu Học”. Đó chính là pháp môn của đạo Phật. Nhờ biết chính pháp môn của Phật nên không bị tà sư ngoại đạo nào lừa đảo, lường gạt chúng ta được.

Cho nên vấn đạo là một điều cần thiết cho những người mới tu, cũng như người tu lâu năm. Người mới tu cũng cần phải thưa hỏi kỹ để tu tập đúng cách, đúng pháp, nhờ đó tu hành mới có căn bản. Còn người đã tu lâu năm thì gặp nhiều trạng thái kỳ lạ, nhất là tu thiền tưởng, những trạng thái ấy xuất hiện, có khi đúng, cũng có khi sai. Nếu không thưa hỏi kỹ thì rất có nhiều tai hại và còn nguy hiểm đến tánh mạng là khác nữa. Nên vấn đạo có nhiều điều lợi ích rất lớn cho người mới tu, cũng như người tu lâu năm.

Trong giai đoạn Phật giáo hiện nay, người ta bảo rằng Phật giáo có tám mươi bốn ngàn pháp môn. Nếu không vấn đạo rõ ràng, chúng ta sẽ bị kinh sách phát triển lừa đảo bằng 84 ngàn pháp môn và bằng câu kinh này: “Pháp pháp đều vô ngại và dung thông”. Theo như kinh sách thì pháp nào cũng của đạo Phật, người có duyên với pháp môn nào đều tu cũng tốt, cũng đượ giải thoát, cũng đượ giác ngộ tùy theo căn cơ của mỗi người có thấp, có cao nên pháp môn tu hành nào cũng vậy. Đó là lối lý luận sai không đúng của Phật giáo. Đức Phật đạy: “Ngoài Bát Chánh Đạo thì không có pháp môn nào của đạo Phật cả”.

Cho nên hiện giờ, tất cả mọi người ai cũng tin lời nói này, nhưng không ngờ đã bị lừa đảo, bỏ hết sự nghiệp, gia đình, vợ dại, con thơ, cha già, mẹ yếu và cả cuộc đời mình, cuối cùng tu chẳng thấy gì là giải thoát, là làm chủ sanh tử luân hồi, đạo diệt tâm tham, sân, si, mạn, nghi của mình.

Bởi vậy, kẻ nào cho rằng tất cả các pháp môn đều tu cũng tốt, cũng đượ, cũng thiện, cũng đượ giải thoát, cũng chấm dứt đau khổ và luân hồi, thì đó là kẻ nông nổi, u mê, không biết tai hại về sau như thế nào? Không trí tuệ, thiếu nhận xét, nhắm mắt tin càn, tin bừa, để rồi phải ân hận về sau.

Nếu các pháp tu đều tốt, đều thiện, đều tu tập có kết quả giải thoát như nhau, thì đạo Phật ra đời để làm gì? Có phải bằng dư thừa không quý Phật tử?

Chúng ta nên tìm hiểu, tại sao đức Phật tu các pháp môn của ngoại đạo, nhập đến Phi tướng phi phi tướng xứ định, nghiệm xét lại thấy thân tâm mình không giải thoát, để rồi tự mình phải tìm ra một giáo pháp, một đường lối, một đạo lộ tu tập đi đến giải thoát cứu kính làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà Lục Sư ngoại đạo và các tôn giáo khác, thời bấy giờ không có pháp môn này.

Một giáo pháp chỉ có 49 ngày tu tập, nhiệt tâm, quyết chí xả ly, lìa tâm ham muốn, từ bỏ ác pháp, Ngài đã thành tựu đạo giải thoát, chúng quả Bồ đề.

Sáu năm trời khổ hạnh, Ngài tu tập mọi loại pháp môn ức chế tâm, nhất là pháp môn hơi thở Ngài nín thở ức chế tâm tối đa, tưởng chừng như Ngài sắp chết. Nín thở Ngài tìm thấy pháp môn này không giải thoát, nên Ngài chuyển qua pháp môn ức chế thân khổ hạnh tối đa, ngày ăn bảy hạt mè hoặc một ít cháo đậu. Vì tiết thực nên cơ thể kiệt

quê, Ngài đi hết nổi. Nhờ bát sữa dê, phục hồi cơ thể, Ngài tỉnh táo và tư duy, biết các pháp ức chế thân tâm không thể tu tập đi đến giải thoát được, Ngài từ bỏ và viễn ly các pháp đó.

Qua sự tu tập của đức Phật, chúng ta rút tỉa ra được những kinh nghiệm thực tế và cụ thể. Các giáo pháp phát triển cùng tất cả các pháp môn của các tôn giáo trên thế gian này, đi đến kết luận không thể làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi của kiếp người.

Giáo pháp Ngài tìm ra được, là một giáo pháp không giống bất cứ một giáo pháp nào của Lục Sư ngoại đạo và các tôn giáo khác trên hành tinh này.

Vì thế, đạo Phật ra đời, không nhai lại bã mía của các tôn giáo khác. Pháp môn của Ngài đi từ sự tu tập sức tỉnh giác để giữ tâm trong chánh niệm, tức là xả tâm, ly dục ly ác pháp, không có một chút ức chế tâm nào cả.

Lấy tâm nương hành động của thân nội và ngoại tập tỉnh thức chánh niệm, để xả dục, xả ác pháp, tránh không đi vào trạng thái tĩnh lặng, ức chế tâm mà đi vào trạng thái đoạn diệt tâm tham, sân, si khiến cho tâm thanh thản, an lạc và vô sự để đi vào trạng thái thanh tịnh bất động tâm, tức là định của đạo Phật.

Từ đó suy ra, ta biết pháp môn của đạo Phật, không giống một pháp môn nào của ngoại đạo. Vì thế, kẻ nào cho rằng 84 ngàn pháp môn là của Phật giáo, kẻ đó quá si mê, u tối bị tà giáo ngoại đạo lừa đảo mà không biết.

Bởi vậy, vấn đạo là một điều quan trọng hết sức trong giai đoạn Phật giáo hiện nay, khi giáo pháp của đạo Phật đã bị pha trộn nhiều thứ pháp ngoại lai.

Vấn đạo khiến chúng ta hiểu rõ, phần đông giáo pháp ngoại đạo, phi đạo đức, dạy người cầu tha lục, thường mang đến tai họa khổ đau cho người hơn là mang đến hạnh phúc. Vì hướng dẫn con người đi vào cảnh giới siêu hình mang đầy tính chất mê tín, dị đoan, thần thánh hoá, lạc hậu v.v..

Cho nên, trong vấn đề tu tập theo đạo Phật, vấn đạo là điều cần thiết, để thăm dò các pháp môn, pháp nào đúng, pháp nào sai, pháp nào tu tập có kết quả, cụ thể và thực tế.

Qua cuộc vấn đạo trong bộ sách “Đường Về Xứ Phật”, quý vị đã được đọc, đừng vội vàng tin những lời nói trong đây, mà hãy suy nghĩ kỹ, nếu sách chỉ vạch chỗ phi đạo đức xét thấy là thật sự phi đạo đức, chỗ lý luận sai mà thật sai, chỗ tu tập giải thoát mà có giải thoát thật sự, chỗ mê tín lạc hậu, đúng là chỗ mê tín lạc hậu thật sự như vậy thì quý vị hãy tin, còn ngược lại thì quý vị đừng nên tin, vì chúng tôi cũng chỉ là một người như quý vị.

Qua một cuộc vấn đạo, chúng tôi trả lời chỉ muốn làm sáng tỏ lại đạo Phật mà thôi. Bởi vì, chúng tôi không muốn đạo Phật mất đi trên thế gian này, nhất là đạo đức nhân bản - nhân quả của đạo Phật. Một đạo đức sống “không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai”.

Nếu đạo Phật mất đi thì loài người trên hành tinh này, chịu thiệt thòi một điều rất lớn, một tai họa không thể lường được, một bằng chứng hiển nhiên trên hành tinh này không lúc nào mà chiến tranh chấm dứt. Con người giết con người không góm tay và không thương xót, đó chỉ vì, đạo Phật có mặt, nhưng đạo đức của đạo Phật đã mất từ lâu. Con người thiếu đạo đức làm người, một đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người. Vì thế, trong khi khoa học lại tiến triển phát minh, những vật chất phục vụ đời sống con người rất tiện nghi. Vì vật chất tiện nghi này, tâm dục con người tăng trưởng, biến dần con người trở thành ác thú hung dữ. Từ đó con người tự sát mà không biết, tự làm khổ mà không hay, tự chuốc họa vào thân mà không ngờ, nếu không có một đạo đức quân bình với khoa học thì quả địa cầu này, một ngày nào đó sẽ bị hủy diệt, bởi tâm tham đắm của con người.

Người muốn tu theo đạo Phật cho đúng Chánh pháp của đức Phật, thì phải chịu khó nghiên cứu cho kỹ các pháp môn, vì kinh sách hiện giờ, toàn là của các nhà học giả biên soạn, đặng đâu viết đó theo sở thích của mình, không có kinh nghiệm tu hành, viết mà chẳng thấy trách nhiệm của mình, chỉ biết nêu tên tuổi (câu danh). Họ đâu hiểu rằng soạn viết ra kinh sách như vậy là để lại một tai hại cho bao nhiêu thế hệ con người sau này, như kinh sách phát triển hiện giờ.

Muốn soạn viết kinh sách có lợi ích cho người đời sau, thì phải có thực hành tu tập đến nơi đến chốn, đời sống phải có một đạo hạnh hẳn hoi, phải nhập được các định, làm chủ được sự sống chết, phải có Tam Minh, đoạn dứt các lậu hoặc, chấm dứt luân hồi sinh tử, thì soạn viết kinh sách mới có ích lợi thiết thực cho người đời sau, bằng ngược lại là giết người, không những giết một đời người, mà giết nhiều thế hệ con

người. Xin quý Phật tử lưu ý những loại kinh sách đang được phổ biến hiện hành.

Còn ngược lại, tu hành chưa đến đâu, đời sống đạo hạnh chưa ra gì, đức hạnh không có, giới luật vi phạm, thiên định chỉ có hình thức ngời thiên, sống với những cấp bằng và những kiến giải suông, dựa vào sở tri và nhai lại bã mía của người xưa viết soạn kinh sách, thì loại kinh sách đó, là kinh sách giết người, giết cả bao thế hệ về tương lai.

Phần vấn đạo là phần rất quan trọng, nên chúng tôi muốn trả lời cho một câu hỏi nào, đều phải đứng trên lập trường đạo đức của đạo Phật mà trả lời.

Những câu trả lời của chúng tôi, đều góp ý xây dựng lại nền đạo đức của Phật giáo đã bị tà sư ngoại đạo đã biến đạo đức của Phật giáo, thành một thứ đạo đức mê tín (nhân quả ba đời).

Thiên định của đạo Phật đã biến thành thiên định ức chế tâm, để nhập vào các định tưởng, triển khai tướng tuệ, biến thành một loại thiên mệnh (khẩu đầu thiên). Còn loại thiên làm chủ sự sanh, già, bệnh, chết như Tứ Niệm Xứ; làm chủ sống chết và chấm dứt luân hồi như Bốn Thánh Định thì được xem là thiên Tiểu Thừa, là thiên phàm phu, là thiên ngoại đạo. Thật là đau lòng phải không quý Phật tử?

Cuối cùng, chúng tôi ngưỡng mong những bậc cao minh, giới đức, đạo hạnh, vì con người trên hành tinh này, vì đạo đức xã hội, vì lợi ích thiết thực chung cho con người và vì đạo Phật, hãy vui lòng chỉ dạy cho chúng tôi, những điều còn sai sót và cùng chung với chúng tôi xây dựng lại một nền đạo đức cho con người, để không còn ai tự làm khổ mình, làm khổ người thường mang đến cho mọi cá nhân con người một nguồn sống thanh thản, an lạc, vô sự và yên vui; một gia đình hòa hợp, hạnh phúc; một xã hội có trật tự an ninh; một đất nước phồn vinh thịnh vượng; một thế giới hòa bình, an lạc. Và thắp sáng lại ngọn đèn Phật giáo đang bị những trận cuồng phong tà giáo thổi tới tấp sắp bị tàn rụi.

Kính thưa các bậc Tôn túc! Quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni cùng quý vị nam nữ Phật tử bốn phương!

Phật giáo phát triển đã hoằng truyền một thời gian quá dài hơn 2500 năm không đủ để chúng ta xác định giáo pháp phát triển là một giáo pháp phi đạo đức, phi chân lí; một giáo pháp đầy mê tín, dị đoan, ảo

tưởng; một giáo pháp lừa đảo mọi người tu hành chẳng có kết quả giải thoát, chỉ tu danh, tu lợi, tu cấp bằng, tu chùa to, Phật lớn, tu trong đục lạch thế gian sao?

Vậy, kính xin quý vị Tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và nam nữ Phật tử bốn phương đại diện Giáo Hội Phật Giáo xem xét quán triệt đình chỉ ngay những kinh sách phát triển là giáo pháp không phải Phật thuyết, để triển khai kinh sách Nguyên Thủy xây dựng chương trình giáo dục đào tạo tám lớp (Bát Chánh Đạo) để giảng dạy đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người cho mọi người.

Kính ghi

Trưởng lão Thích Thông Lạc

Ngày 5-11-1998

TRÍ VÔ HẠN VÀ HỮU HẠN

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Xin Thầy dạy cho con hiểu trí hữu hạn và vô hạn?

Đáp: Có lần Thầy đã giảng về trí hữu hạn và vô hạn rồi. Trí hữu hạn là sự hiểu biết có giới hạn, không vượt ra ngoài không gian và thời gian. Trí hữu hạn chỉ là sự hiểu biết trong thế giới hữu sắc mà thôi, sự hiểu biết còn bị hạn cuộc trong không gian và thời gian như trên đã nói, nên sự hiểu biết rất cạn cợt. Vì thế, thỉnh thoảng các nhà khoa học tìm kiếm hay phát minh ra một vật thể gì mới lạ thì con người hết sức vui mừng. Đó là một bằng chứng cho biết trí hữu hạn, sự hiểu biết rất hạn cuộc.

Đối với thế giới siêu hình, trí hữu hạn không thể nào hiểu biết nổi. Phần đông, người ta dùng tưởng tri để hiểu biết nên đã lầm lạc. Do đó, tưởng tri của con người cho rằng con người có Linh hồn, Thần thức, Tiểu ngã, Phật tánh, Bản thể Vạn hữu, Đại ngã, Chơn Không, Chơn Như, v.v.. Người chết oan ức, chết bất đắc kỳ tử, linh hồn không đi đâu thai được, không chỗ nương tựa, sống vất vưởng theo cây cao bóng mát, thành ma, thành quỷ, đói khát bắt bớ người còn sống, bệnh đau hoặc tai nạn để được cúng bái, tế lễ. Những người làm tướng xông pha trận mạc dẹp giặc bảo vệ non sông, đất nước, khi chết linh hồn thành Thần, thành Thánh. Những người bỏ thế tục ly gia cắt ái vào rừng sâu núi thẳm tu hành, đến khi chết linh hồn thành Tiên, thành Phật, v.v..

Phải nói trí hữu hạn, chỉ là sự hiểu biết của con người trong hạn cuộc không gian và thời gian. Ngần sông cách núi thì không thấy, tương lai thì không rõ, quá khứ, cách một đời, hai đời thì không biết, không nhớ.

Chỉ có trí vô hạn mới hiểu biết thế giới siêu hình, không gian và thời gian không còn hạn cuộc. Trí vô hạn tức là trí tuệ Tam Minh của nhà Phật. Muốn có trí vô hạn, chúng ta phải chịu khó tu tập, trau dồi thân tâm và xa lìa vật chất dục lạc thế gian, thường tránh xa các ác pháp (ly dục, ly ác pháp).

Người tu theo Phật giáo, phải tu tập theo lộ trình, "**Giới, Định, Tuệ**" và nhập bốn loại định hữu sắc, "**Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên**" tức là tịnh chỉ ngôn hành, tịnh chỉ khẩu hành, tịnh chỉ tưởng hành và tịnh chỉ thân hành. Khi đó, thân định trên tâm, tâm định trên thân, rồi hướng tâm đến Tam Minh, tâm đã viên mãn Tam Minh, thì trí vô hạn mới có.

Mục đích để đạt được trí vô hạn, hành giả phải nhập "**Bất động tâm định**". Muốn nhập bất động tâm định, hành giả phải sống đúng giới đức và giới hạnh của đạo Phật. Nếu sống không đúng giới đức và giới hạnh, thì dù quý vị có tu pháp thiền định nào cũng chẳng có trí vô hạn, duy chỉ có pháp môn "**Tam Vô Lậu Học**", tu tập mới có trí vô hạn mà thôi.

Tam Vô Lậu Học là pháp môn chia làm ba giai đoạn tu tập hay còn gọi là ba cấp tu học trong chương trình giáo dục đào tạo của Phật giáo:

1. Tu tập đức hạnh không làm khổ mình, khổ người tức là ly dục ly ác pháp.
2. Tu thiền định tức là phải nhập từ Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên đến Tứ Thiên.
3. Tu tập Tam Minh tức là hướng tâm đến Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh và Lậu Tận Minh.

Sau khi tu tập xong ba giai đoạn này thì trí vô hạn hiện tiền.

KIẾN GIẢI

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nhà thiền gọi người tu rơi vào kiến giải, là như người chết mà như hồn phách chưa tan. Người tu như vậy có nhập định được hay không?

Không nhập vào được định là do thân tâm yếu hay nghị lực không có, hoặc bị trạng thái nào cản trở mà không thể vượt qua được? Hay là tu đến đó không còn cách nào tu tập được nữa?

Đáp: Người tu hành rơi vào **“kiến giải”** là người tu thiền theo ngoại đạo, tu tập thiền định ức chế tâm **“dùng vọng tưởng”**. Khi vọng tưởng dùng, hành giả rơi vào định tưởng (Không Vô Biên Xứ Tưởng), từ đó triển khai tưởng tuệ, được xem như hành giả tu đến đây có những **“tiểu ngộ”** hoặc **“đại ngộ”** về những công án và các kinh sách phát triển. Trên lộ trình này, hành giả tiếp tục đi sâu vào trạng thái tĩnh lặng, vượt qua không vô biên xứ, nhập vào trạng thái thức vô biên xứ, trạng thái này hành giả **“triệt ngộ”** (ngộ tất cả các công án và kinh sách phát triển).

Các loại thiền định này, không phải là thiền định xả tâm của đạo Phật (ly dục ly ác pháp) nên đắm chìm trong các pháp thế gian, tâm còn say mê ăn, uống, ngủ, nghỉ phi thời v.v.. và còn ham thích chùa to, tháp lớn, danh tiếng vang lừng. Vì tâm dục và ác pháp không trừ, nên con đường tu tập không thể nhập vào Chánh định, chứ không phải thân tâm và nghị lực yếu kém. Vì đã rơi vào kiến giải, tưởng mình như đã tu chứng, do đó bản ngã to lớn ra, cũng từ đó đường tu chấm dứt, chỉ còn biết lợi dụng kiến giải này, để buôn Phật, bán Pháp, làm cho cuộc sống danh lợi càng ngày càng phát triển to lớn như một lãnh chúa.

Hạng tu sĩ này họ đâu biết rằng, kinh sách kiến giải của họ soạn viết ra, là đã giết biết bao nhiêu thế hệ con người đã qua. Những kinh sách kiến giải này, đã đưa những người tu sĩ Phật giáo đi đến chỗ **“Đời chẳng ra Đời, Đạo chẳng ra Đạo”**. Giới luật chẳng nghiêm túc, đạo hạnh chẳng có gì, oai nghi tế hạnh thì thô tháo, ăn, nói, cười cợt không đúng cách, khiến mọi người nhìn thấy tu sĩ Phật giáo mà đau lòng.

Những kiến giải này, được phổ biến sâu rộng, trong mọi tầng lớp con người ở xã hội, khiến cho mọi người đều sống trong tưởng tuệ. Sống trong một thế giới mơ hồ, trừu tượng, ảo ảnh Phật tánh, Thượng Đế, Thần linh, v.v.. Họ đã dẫn dắt bao nhiêu thế hệ con người đi vào thế giới siêu hình, đến chỗ mê tín, cuồng tín, lạc hậu. Từ đó ông lên, bà xuống, bói khoa, bùa chú, trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ, cúng bái, cầu khẩn, tế tự, xin xăm, bói quẻ, xem ngày tốt xấu, ngồi thiền nhập định tưởng, v.v..

Từ chỗ kiến giải đưa người tu sĩ chơn chánh của đạo Phật trở thành những tu sĩ của ngoại đạo, rồi tiếp tục lừa đảo, lường gạt tín đồ, bằng những hình thức tu hành ức chế tâm, tạo ra thế giới siêu hình tưởng, trừu tượng, ảo ảnh, mê tín dị đoan khiến bao nhiêu người hao tiền, tốn của mà chẳng ích lợi gì.

Kiến giải là một tai hại rất lớn cho người tu sĩ chân chánh, tưởng là thông suốt giáo lý kinh sách, thiền ngữ, nào ngờ sự thông suốt ấy lại là một tai họa hiểm nghèo cho kiếp đời tu sĩ, đi đến bước đường cùng của sự tu tập. Tu đến đây kể

như đời họ chấm dứt, ngoài danh lợi họ không còn thấy gì khác hơn với một số ngôn ngữ bã mía của người xưa, họ chỉ biết cắm đầu vào những kiến giải đó mà thôi. Bởi vậy, người tu sĩ chơn chánh, quyết tìm tu giải thoát cho cuộc đời mình, thì rất sợ kiến giải.

Kiến giải không phải là trí tuệ hiểu biết chân thật mà là tướng tuệ, phát triển theo chỗ ức chế tâm của thiền định tướng.

Cho nên, trong nhà thiền gọi người tu rơi vào kiến giải như người chết mà hồn phách chưa tan là vậy.

Người tu theo đạo Phật phải cảnh giác, phải nghiên cứu kỹ các loại thiền định: loại thiền định nào ức chế tâm là loại thiền định rơi vào kiến giải, chỉ có thiền định của đạo Phật là Bốn Thánh Định, là loại thiền định xả tâm. Vì thế, thiền định này không rơi vào kiến giải và đưa hành giả đến nơi giải thoát hoàn toàn, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi sanh tử.

Bởi vậy, người tu sĩ cần phải lưu ý, khi tâm thanh tịnh, tức là vọng tưởng vắng bóng trong lúc tọa thiền, thường phát khởi niệm kiến giải, cảm thấy như mình thông suốt nghĩa lý kinh sách và công án, thì coi chừng bị ma pháp tướng. Đây không phải là trí tuệ mà chính là ma tưởng.

Người tu sĩ đã bị ma tướng cũng giống như người chết chưa chôn. Do ma tướng nhập, vị tu sĩ này bản ngã ngày một to lớn hơn, họ đang nuôi bản ngã ngược lại với đạo Phật diệt ngã xả tâm.

Từ chỗ tu theo đạo Phật, họ đã trở thành tu sĩ ngoại đạo mà không biết, cứ tưởng mình là tu sĩ Phật giáo. Hiện giờ tình trạng tu sĩ Phật giáo là như vậy.

Tóm lại, người tu sĩ Phật giáo phải cảnh giác với trí tuệ này, vì trí tuệ này là trí tuệ tướng, được xem như là một trí tuệ nguy hiểm nhất, dẫn dắt chúng ta vào con đường phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, bế tắc sự tu tập giải thoát, chứ không phải trí tuệ giải thoát của Phật giáo. Xin các Phật tử hãy lưu ý cảnh giác xa lìa.

THIỆN PHÁP

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Người mới vào tu thiền định, giai đoạn cơ bản và sơ cơ của người mới tập tễnh vào thiền định. Vậy Sơ Thiền có phải theo lời Thầy dạy: Trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng đều sống trong thiện pháp, tức là tu tập Tứ Chánh Cần, thường ngăn ác diệt ác pháp và khởi thiện

tăng trưởng thiện pháp.

Thưa Thầy! Diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp cho thật sạch thì thân, thọ, tâm, pháp của người đó có thanh tịnh. Phải không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, Thầy dạy người mới sơ cơ tu tập thiền định cơ bản, lúc nào cũng phải sống trong thiện pháp. Muốn sống trong thiện pháp, thì phải tu tập Tứ Chánh Cần, tức là ngăn ác diệt ác pháp, khởi thiện tăng trưởng thiện pháp, chứ không phải ngồi thiền nhiều, ức chế tâm, dưng vọng diệt vọng như kinh sách phát triển và Thiền Đông Độ dạy. Đó là đường lối tu tập thiền định của đạo Phật mà trong kinh sách Nguyên Thủy dạy rất rõ ràng: **“Định Tư Cụ là Tứ Chánh cần”**.

Câu hỏi thứ hai: Hành giả mới diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp cho thật sạch thì thân, thọ, tâm, pháp của người đó có thanh tịnh hoàn toàn chưa? Hành giả diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp cho thật sạch thì thân, thọ, tâm, pháp của người đó mới được thanh tịnh chứ chưa hoàn toàn chỉ mới nhập được Bất Động Tâm, làm chủ được tâm, tâm mới được thanh thản, yên tịnh và vô sự. Chính tâm mới được thanh thản, yên tịnh và vô sự là thiền định sơ khởi của đạo Phật.

Con nên ghi nhớ và phân biệt thiền của đạo Phật và Thiền Đông Độ, Thiền của Phật là chỗ tâm hết tham, sân, si, chứ không phải chỗ hết vọng tưởng; còn thiền Đông Độ và kinh sách phát triển là chỗ hết vọng tưởng.

Người mới nhập Bất Động Tâm Định, chỉ làm chủ được đời sống (sinh y), chứ chưa làm chủ được thân, có nghĩa là làm chủ sanh, già, bệnh, còn làm chủ sự chết chưa được, phải đợi nhập xong Tứ Thiền. Con nên nhớ Bất Động Tâm Định chỉ có ly dục ly ác pháp, chứ chưa có diệt dục và diệt ác pháp. Vì vậy thân, thọ, tâm, pháp chưa làm chủ trọn vẹn, tức là lậu hoặc chưa xả sạch, còn phải trải qua một thời gian tu tập nữa.

Đây là giai đoạn đầu tiên của người mới tu tập Tam Vô Lậu Học **“Giới, Định, Tuệ”** mà giáo pháp của đức Phật đã chỉ dạy rõ ràng. Thế mà người đời nay chẳng tu theo Chánh pháp của Phật, lại chạy theo tu giáo pháp của ngoại đạo (Thiền Đông Độ và giáo pháp phát triển). Cho nên, tu mãi mà chẳng làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt sanh tử luân hồi. Họ chỉ sống trong ảo tưởng (Phật tánh, Tánh không, Tánh biết, Tánh nghe, Tánh Thấy và những trạng thái xúc tưởng hỷ lạc).

Tâm ly dục ly ác pháp là tâm mới thực hiện được sự thanh tịnh giới luật, tức là giới luật nghiêm tịnh, không còn vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Còn muốn thân, thọ, tâm, pháp thanh tịnh thì phải tu tập **“Tứ Niệm Xứ”**. Khi tu tập Tứ Niệm Xứ

sung mãn thì Tứ Thần Túc xuất hiện, nhờ Tứ Thần Túc chúng ta mới nhập **“Tứ Thánh Định và thực hiện Tam minh”**, tức là tu tập hai giai đoạn sau: **“Định và Tuệ”**.

Muốn diệt lậu hoặc cho sạch, tức là ngũ triền cái và thất kiết sử thì phải tu tập Tứ Niệm Xứ rồi nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền và thực hiện Tam Minh mới làm chủ được thân, thọ nghĩa là thân, thọ mới được thanh tịnh, tức là bệnh tật, sống, chết đã được tự tại theo ý muốn (bệnh, tật, sống, chết không còn chi phối thân, tâm).

Muốn chấm dứt sanh tử luân hồi, diệt sạch gốc lậu hoặc (không còn đi tái sanh luân hồi nữa) thì phải tu tập Tam Minh quét sạch gốc lậu hoặc, mới làm chủ tất cả các pháp.

Theo đường lối tu tập của đạo Phật, phải nhập từ Sơ Thiền, Nhị Thiền đến Tứ Thiền, thì thân, thọ thanh tịnh, rồi tiếp tục thực hiện Tam Minh mới dễ dàng. Thực hiện Tam Minh xong thì mới làm chủ được sự sống chết hoàn toàn, còn diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp, thì hành giả được tâm bất động giải thoát. Diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp chỉ là mới nhập được tâm Bất Động Định, giai đoạn thứ nhất trong đường lối tu tập của Phật giáo. Nhưng đó là đạt mục đích giải thoát của Phật giáo làm chủ trong thân. Vì thế, hành giả còn phải tu tập và trải qua nhiều giai đoạn thử thách ngoại ma và nội ma, nếu vượt qua những giai đoạn này, thì tâm định trên thân, thân định trên tâm chừng đó hành giả mới dễ dàng thực hiện Tứ Như Ý Túc và Tam Minh.

Khi thực hiện Tứ Như Ý Túc và Tam Minh thì tâm mới vô lậu hoàn toàn. Tâm vô lậu hoàn toàn thì mới chấm dứt tái sanh luân hồi. Tu theo Phật giáo đến đây mới thành tựu viên mãn, chỉ còn một kiếp này nữa mà thôi.

PHẬT TÁNH

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Thiền Tông gọi Phật tánh. Phật tánh có phải là ý thức hay không?

Công án thiền có câu chuyện thiền ngữ: “Con chó có Phật tánh không?”, nếu có Phật tánh, tại sao lại chui vào cái đống phân thú để làm gì cho khổ? Cầu mong Thầy chỉ dạy cho con được rõ.

Đáp: Câu này có hai câu hỏi, nhưng rất liên hệ với nhau (tuy hai mà một). Câu hỏi một, trong tất cả kinh sách Đại Thừa đã xác nhận ý thức, không niệm thiện

niệm ác, là **“Phật tánh”**. Kinh Kim Cang dạy: **“Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, Bồ tát độ hết chúng sanh thì thành Phật”**, kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy: **“Tánh thấy, tánh nghe, tánh biết và chủ, khách”**, kinh Pháp Bảo Đàn dạy: **“chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền”**, v.v..

Đó là chỉ cho ý thức chẳng khởi niệm, kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông cho trạng thái đó là **“Phật tánh”**. Cho nên, câu công án **“con chó có Phật tánh không?”** đó là công án của Thiền Sư Triệu Châu. Một hôm, có một thiền Tăng đến hỏi Ngài: **“Con chó có Phật tánh không?”**. Ngài đáp: **“có”**. Vị thiền Tăng lấy làm lạ hỏi lại: **“Có Phật tánh tại sao nó lại chui vào đống da bần thú để làm gì cho khổ?”**.

Phật tánh là một **“tánh giác”**, tánh giác là tánh sáng suốt, không có si mê, thế mà không sáng suốt lại chui vào đống da uế trược, hôi thúi. Nếu theo ý thức phân biệt thì đây là một điều vô lý hết sức.

Còn Thiền Tông, cách thức lập công án, có nghĩa là khiến cho người ta bật đường suy nghĩ; bật đường suy nghĩ, thì ý thức không hoạt động; ý thức không hoạt động thì niệm thiện niệm ác không có; niệm thiện niệm ác không có thì trạng thái đó Thiền Tông và kinh sách phát triển cho đó là Phật tánh. Mục đích câu công án trên giúp cho người tu thiền định không suy tư phân biệt được để nhận ra gọi là **“ngộ”** trạng thái này thành Phật **“kiến tánh thành Phật”**.

Ngược lại, trong kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: **“Ý thức thanh tịnh (chẳng niệm thiện niệm ác), không liên hệ năm căn (vô phân biệt) thì hành giả rơi vào không vô biên xứ định”**, một loại định tưởng vô sắc của ngoại đạo trong bốn loại định tưởng. Thời đức Phật còn tại thế, Ngài đã được ngoại đạo dạy và đã thực hiện được các loại định này đến nơi đến chốn, nhưng không tìm thấy có sự giải thoát gì trong đó và cũng không tìm thấy **“Phật tánh”** ở đâu, nên Ngài bỏ các pháp môn này, trở lại tìm lộ trình Tứ Thánh Định.

Cho nên, đức Phật đã xác định: **“Chỗ không niệm thiện niệm ác không phải là Phật tánh, mà là Không vô biên xứ định tưởng”**. Các nhà tu hành hệ phái phát triển và Thiền Đông Độ đã lầm lạc ở trạng thái này, nên dựng nó thành **“Phật tánh, Thần thức”**. Bồ Đề Đạt Ma gọi là **“Tâm”**, Lục Tổ Huệ Năng gọi là **“Bản lai diện mục”**.

Khi tu đến đây, các Thiền Sư Trung Hoa và các Thiền Sư Thiền Trúc Lâm Yên Tử (Việt Nam) sau này không chấp nhận, cho **“Vô tâm còn cách một lớp rào”**.

Họ lấy tưởng thức làm Phật tánh, vượt qua trạng thái không vô biên xứ định tưởng nhập vào thức vô biên xứ định tưởng, ở trạng thái này họ tưởng, thấy các pháp chỉ là **“một”** chứ không hai (bất nhị) nên trong Thập Mục Ngưu Đồ gọi là **“Phản bốn hoàn nguyên”** hoặc còn gọi là **“Bản thể vạn hữu”**. Bà La Môn

Giáo cho đó là **“Đại ngã”**, kinh sách Nguyên Thủy Phật giáo cho đó là **“Thức vô biên xứ tướng”**.

Như vậy Phật tánh chỉ là ý thức không niệm thiện niệm ác. Giả dụ nếu Phật tánh có thật đi nữa mà không làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không chấm dứt được sự luân hồi tái sanh thì chúng ta cũng ném bỏ như đức Phật đã ném bỏ các pháp ức chế thân tâm và bốn định vô sắc tướng của ngoại đạo, như ném bỏ một chiếc giày rách.

Trong thế kỷ thứ hai mươi, Thiên Tông đã phát triển cao độ, người theo tu có hàng vạn triệu, nhưng nhìn lại ai là người đã tu tập thiền định này mà đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết chấm dứt luân hồi chưa? Nếu một loại thiền định tu tập mà không làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà chỉ có đạt được trạng thái tĩnh lặng và khinh an cùng một số ngôn ngữ đối đáp lý luận và trực giác biết chuyện quá khứ vị lai của người khác, người tu hành đạt được như vậy để làm gì? Kính thưa quý Phật tử! Quý Phật tử hãy trả lời đi!? Để làm sáng tỏ pháp môn tu hành của Phật giáo.

Kính thưa quý vị! Điều này quý vị cần suy ngẫm kỹ, thời gian là thước đo của sự xác chứng nghiêm chỉnh về sự chứng đắc của các loại thiền định giáo pháp phát triển này, riêng chúng tôi có nói gì, xin quý vị đừng tin mà hãy tự xét, tự kiểm lại mình trên bước đường tu tập theo kinh sách phát triển và Thiên Tông.

VÔ MINH

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Ngồi tu chỉ một niệm **“gục”** là tâm người ấy bị vô minh che đậy. Nếu trong một tháng mà tu không một niệm **“gục”**, thì tâm người ấy đã được thanh thản. Nếu con tu mỗi lần 10 hơi thở, con xả nghỉ một phút và tiếp tục tu 30 phút, như vậy con không bị **“gục”**. Khi xả nghỉ tâm con có lúc nhẹ nhàng, nếu con cứ tu như vậy, con còn bị vô minh che đậy nữa không? Cầu xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Nếu con tu tập không bị **“gục”** và thất niệm thì con đã phá sạch vô minh, chỉ vì thời gian con tu hiện giờ còn ngắn lắm, chỉ cách khoảng 10 hơi thở xả nghỉ một phút, sức tỉnh thức chưa kéo dài được, nhưng con khéo thiện xảo tu như vậy và siêng năng không biếng trễ niệm **“gục”** và thất niệm không có, thì sức tỉnh thức sẽ cao độ, thời gian sẽ chiếm trọn ngày đêm, lúc bây giờ vô minh bị quét sạch.

Vốn chúng ta sanh ra đời, mang nghiệp thân nhân quả khổ đau này, do từ nơi vô minh. Nếu quét sạch vô minh, thì chúng ta đã giải thoát hoàn toàn, đâu còn gì phải tu nữa. Chính vì phá vô minh, mà đạo Phật dạy ta tu tập, nhằm vào sức tỉnh giác. Từ Chánh Niệm Tỉnh Giác Định, Định Niệm Hơi Thở, đều phải tu trên Thân Hành Niệm, lấy mọi hành động của thân tu tập để tạo sức tỉnh thức, do tu như vậy nên không bị niệm **“gục”**. Nhưng con cũng nên nhớ: chỉ có giới luật nghiêm túc thì niệm **“gục”** mới không thăm con, như lời Phật đã dạy. Hiện giờ niệm **“gục”** đến thì nên dùng pháp Thân Hành Niệm mới quét sạch, ngoài pháp môn Thân Hành Niệm khó mà thắng niệm **“gục”**.

Tỉnh thức có thì vô minh không có, cho nên người tu còn gục và thất niệm là chưa có sức tỉnh thức. Do tu sai pháp, tu quá sức, ngồi nhiều, không đi kinh hành, không tu trong mọi hành động. Sức tỉnh thức chưa có thì vô minh còn; vô minh còn thì tham, sân, si còn; tham, sân, si còn thì ác pháp còn; ác pháp còn thì tâm dục còn; tâm dục còn thì chưa giải thoát.

Muốn phá vô minh mà hành giả cứ tìm kiếm học hỏi và nghiên cứu, để được thông suốt giáo lý kinh điển thì hành giả đó, chỉ là học giả, vô minh lại càng vô minh hơn. Đừng nghĩ rằng học hỏi nghiên cứu thông suốt tam tạng kinh điển là hết vô minh. Đó là một điều nghĩ sai.

Các Thiền Sư, các nhà học giả, họ là những người thông suốt kinh sách, lý luận sắc bén, đối đáp như gió thổi, nhưng đối với đạo Phật, họ là những kẻ vô minh, chỉ vì chưa có sức tỉnh thức, còn **“Gục”**.

Các pháp môn tu tập thiền định của đạo Phật, được chia làm hai loại rất rõ ràng và cụ thể:

1- Các pháp môn tu tập Tỉnh thức.

2- Các pháp môn tu tập Chánh niệm.

Vấn đề tu tập, quan trọng trong đạo Phật, là phải tu tập như thế nào, để phá sạch vô minh?

Vì biết rõ do vô minh, nên nghiệp lực của con người, tiếp tục mãi tái sanh luân hồi và chịu biết bao đau khổ từ kiếp này sang kiếp khác.

Muốn chấm dứt khổ đau thì phải đoạn dứt vô minh. Vì thế, đường lối của đạo Phật, bắt đầu phải tu tập pháp nào trước. Vì đức Phật là hành giả tu tập các pháp môn của ngoại đạo, không đạt được giải thoát, nên Ngài đã quá thông suốt, khi dạy người tu thiền định, bắt đầu phải thực hành pháp môn trước tiên: là **“Thân Hành Niệm”**. Thân Hành Niệm, tức là nương theo hành động của

thân nội và ngoại để tập tĩnh thức, nhờ có tĩnh thức tâm mới phá vô minh, tức là tâm luôn tĩnh thức trong Chánh niệm (Thân niệm), nên đức Phật ghép hai danh từ này lại thành một tên thiền định của đạo Phật **“Chánh Niệm Tĩnh Giác Định”**. Một loại định xả tâm diệt ngã, ly dục ly ác pháp, mang đến cho hành giả từng phút, từng giây giải thoát.

Pháp môn Chánh niệm tĩnh giác định là một pháp môn trong bốn pháp môn để tu tập ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp, nên có tên gọi là “Tứ Chánh Cần”, một pháp môn ngăn ác, diệt ác tuyệt vời, luôn sống trong thiện pháp, an vui trong thiện pháp, khiến cho hành giả có một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự.

Để tiếp tục pháp thứ hai, con đường của đạo Phật diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp hành giả tu tập “Định Vô Lậu” để triển khai tri kiến giải thoát.

Muốn tu tập Định vô lậu, hành giả phải có sự tĩnh thức khá cao, dùng sức tĩnh thức đó quán xét nhân quả trong mỗi tâm niệm, mỗi đối tượng, mỗi sự việc và mỗi hoàn cảnh. Từ đó sẽ thấy các pháp vô thường như thật, khổ như thật, vô ngã và bất tịnh như thật.

Trên đường tu tập, nếu con tu đúng như lời dạy trên đây, thì phải tu tập kế tiếp những pháp môn sau đây: Định Niệm Hơi Thở và Định Sáng Suốt, vì các loại định này rất cần thiết để đẩy lùi các chướng ngại pháp. Do đẩy lùi các chướng ngại pháp thì mới phá sạch vô minh. Nhờ đó con không còn gục và thất niệm nữa, từ đây về sau tâm hồn con thanh thản, an lạc và vô sự. Từ đó một niềm vui vi diệu của đạo Phật xuất hiện mà không tìm nơi đâu có được.

NHƯ LÝ TÁC Ý

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nếu con tu pháp hướng tâm như lý tác ý (ám thị), luôn không dứt “Tâm như đất”. Giai đoạn đầu con tu còn vọng tưởng khi hướng tâm (ám thị), tuy vậy con vẫn ám thị luôn không dứt, như thế lâu ngày tâm con có hết tham, sân, si không? Xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Muốn hướng tâm như lý tác ý (ám thị) **“Tâm như đất”** có hiệu quả, nghĩa là tâm hết tham, sân, si thì không phải chờ hết vọng tưởng, mà ở chỗ giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh: ăn, ngủ, độc cư, sống trầm lặng một mình. Thường sống biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng. Đó là vừa hướng tâm **“ám thị”**, vừa lấy giới luật phòng hộ sáu căn, vừa sống lập đức lập hạnh, do tu đúng như vậy, thì tâm lần lượt sẽ thanh tịnh, tức là lần lượt tâm ly dục ly ác pháp cho đến thanh

tịnh hoàn toàn (tham, sân, si bị quét sạch).

Phải nhớ trong đạo Phật, duy nhất pháp hướng tâm là một pháp môn mầu nhiệm tuyệt vời, nếu siêng năng tu tập và giữ đúng giới luật, đừng vi phạm một lỗi lầm nhỏ nào thì kết quả pháp hướng tâm này có đủ năng lực (đạo lực) điều khiển, truyền lệnh làm chủ thân tâm (nhân quả), giải thoát sanh, già, bệnh, chết hoàn toàn. Nếu con có đủ niềm tin ở pháp môn tác ý này, thì hãy cố gắng hằng ngày đừng sao lãng lúc nào cũng nhớ hướng tâm: *“Tâm như đất ly tham, sân, si cho thật sạch; tham, sân, si là pháp ác, là đau khổ”*.

Xưa Đức Phật cũng nhờ pháp này diệt ngã xả tâm, đi đến cứu kính giải thoát hoàn toàn, thời nay Thầy cũng nhờ nó mà tâm hồn được thanh thản, an lạc.

Vậy các con có đủ niềm tin chẳng? Nếu đủ thì các con hãy siêng năng hằng ngày tu tập đừng nên biếng trễ tác ý.

PHƯỚC HỮU LẬU

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Câu chuyện Bách Trượng và ông già chồn, vì không hiểu nhân quả nên ông già chồn phải đọa 500 kiếp làm thân chồn. Về câu chuyện này, các nhà học giả xưa và nay ai cũng biết.

Ngày nay, các nhà học giả soạn kinh viết sách, họ không viết đúng theo lời Phật dạy, thêm bớt, thêm bớt theo sự nghĩ tưởng của mình qua tưởng giải và còn dám cả gan cắt xén kinh điển làm lệch ý Phật, ý kinh khiến cho đoàn hậu học sau này, ham tu dựa vào kinh sách này, tu hành chẳng đến đâu, uổng công sức và phí cả cuộc đời. Họ đã khéo léo ca ngợi, kêu gọi mọi người và còn bắt buộc phải tu theo năm bộ kinh lớn của Đại Thừa như: Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Thủ Lăng Nghiêm, v.v...

Nếu thọ trì tu chứng theo kiểu tưởng pháp này và làm những việc từ thiện xã hội, nhưng không làm chủ được thân tâm, thì các nhà dịch giả và soạn giả những bộ kinh này có công đức hay phước báo gì? Cúi xin Thầy chỉ dạy cho con được rõ!

Đáp: Câu chuyện **“Bách Trượng dã hồ”** là câu chuyện bịa đặt của Thiền Tông để lừa đảo người khác. Câu chuyện **“Bách Trượng dã hồ”** là câu chuyện chấp nhận định mệnh nhân quả tức là nhân quả không chuyển hoá được, không thay đổi được, chỉ đừng mê muội nhân quả mà thôi, chớ **“chẳng muội nhân quả”** tức là định mệnh. Khi quả đến ta chấp nhận tai nạn, bệnh tật, khổ đau, nhưng

không sợ hãi trước tai nạn khổ đau đó. Theo Phật giáo Nguyên Thủy thì ông già chồn nói không đúng: **“Bậc đại tu hành chẳng lạc nhân quả”**. Chữ **“lạc”** ở đây có nghĩa là rơi, bị, nghĩa là bậc đại tu hành không bị nhân quả tác dụng, đó là hiểu sai, đã mang thân nhân quả thì phải có tai nạn, bệnh tật, dù người đó tu đã thành Phật, thân nhân quả vẫn là thân nhân quả không thể thay đổi được, nên vẫn phải có tai nạn, bệnh tật. Nhưng tu đúng theo pháp của đức Phật, thì tâm không dao động trước tai nạn, bệnh tật và kể đó dùng pháp hướng tâm tịnh chỉ, làm cho các cảm thọ khổ, lạc, bất khổ bất lạc, không tác động được vào thân và tâm và còn khắc phục chuyển hóa khổ thọ, lạc thọ ra khỏi thân tâm **(Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu)**. Cho nên pháp của Phật, tu hành làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì nghiệp nhân quả làm sao chi phối được, nghiệp nhân quả tuy có nhưng không chi phối được tâm người tu chứng, tức là làm chủ nhân quả, làm chủ nhân quả tức là làm chủ nghiệp, chứ không phải làm chủ cái thân nhân quả duyên hợp như ông già chồn đã nói, còn bảo không mê muội như Thiền Tông mà không làm chủ được các thọ, thì không đúng pháp Phật.

Cho nên, cuộc sống (sanh y) không còn đối với tâm ham muốn và các ác pháp (tham, sân, si, mạn, nghi đã chấm dứt), **“Tâm như đất trời”** thì hành giả tu được như vậy những oai nghi tế hạnh đầy đủ, không còn vi phạm giới luật, dù một lỗi nhỏ nhặt nào, đó là tâm giải thoát của đạo Phật. Ngược lại, Thiền Tông chỉ cần không mê muội nhân quả, nghĩa là thân tâm có bệnh tật, tai nạn, phiền não, sân hận, thương ghét v.v.. Mặc nó chẳng lo, chẳng sợ, chẳng dẹp, chẳng dứt, cứ để mặc tình, tâm luôn tự tại vô ngại, danh, lợi, dâm dục, ăn ngủ cũng mặc miễn đừng mê muội sợ hãi nó là được.

Do lý luận chẳng mê muội nhân quả như vậy, nên Thiền Tông mới có sản xuất Tế Điền Hòa Thượng, Phật sống Cự Kim Sơn, Thượng Sĩ Tuệ Trung. Khi đã chứng đạo thì họ **“Thống tay vào chợ”**. Chẳng cần giới luật, chẳng trọng đạo đức và đức hạnh. Do đó, tu sĩ Thiền Tông và Đại Thừa đã đưa Phật giáo đi vào triết học hiện sinh, đi đến ngõ cụt của cuộc đời tu hành.

Còn các nhà học giả xưa và nay soạn và viết kinh sách Đại Thừa, họ chỉ dạy người tu làm phước thiện **“Tứ nhiếp pháp”**, tạo phước báo ở đời, chứ không dạy như kinh Nguyên Thủy tu tập để làm chủ sanh tử luân hồi. Cho nên, y báo và phước báo của họ đều gắn liền trong hiện kiếp rõ ràng, nhưng về tội viết sai lời Phật dạy, họ phải chịu quả báo địa ngục, tức là họ phải thọ chịu quả bệnh tật khổ đau trên giường bệnh rất khổ sở, thời gian có thể kéo dài đôi ba năm, bằng chứng trước mắt chúng ta đã chứng kiến các bậc tôn túc đã viên tịch một cách khổ đau.

Trong suốt khoảng đời sống của chúng ta đã chứng kiến y báo và phước báo, cũng như sự đọa địa ngục của các Ngài.

Đó là công đức thiện pháp của pháp môn Đại Thừa, cũng như công đức thiện pháp của các tôn giáo khác ngăn chặn được ác pháp của một số người, nhờ đó ta mới thấy được phước hữu lậu của họ, với những pháp môn này họ không thể hưởng được phước vô lậu. Duy chỉ có pháp môn của Phật giáo Nguyên Thủy thì mới hưởng được phước vô lậu, tức là làm chủ sự sống chết và cũng chính là làm chủ nhân quả của kiếp người. Đối với các pháp môn của Đại Thừa chỉ dạy tu tập chẳng mê muội nhân quả, chứ không làm chủ được nhân quả.

Việc làm của các nhà học giả là để thọ hưởng phước báo tốt đỉnh danh lợi của cuộc đời, chứ không phải giải thoát. Tuy rằng hưởng phước báo như vậy, nhưng đã dạy sai ý Phật, khiến cho Phật pháp suy đồi, không người tu chứng giải thoát và toàn bộ tu sĩ đều thiếu đức hạnh, phạm giới, nên các Ngài phải chịu quả báo về tội đọa như trong luật đã dạy. Trước khi sắp viên tịch phải chịu luật nhân quả hành hạ xác thân đau khổ trên giường bệnh, mà chúng ta đã chứng kiến, không có vị Hòa Thượng nào tránh khỏi, Tăng cũng như Ni càng phước báo lớn càng đau khổ nhiều.

Luật nhân quả đã dạy, trong các pháp thiện có các pháp ác, trong các pháp ác có các pháp thiện. Tại sao vậy?

Tại vì các pháp môn của kinh sách phát triển dạy làm thiện mà không có pháp dạy ly dục ly ác pháp, nên tâm dục của các ngài chưa ly, ác pháp chưa diệt, các Ngài đều phạm giới, bẻ vụn giới, ăn ngủ phi thời, sống phóng dật, chạy theo sáu trần bên ngoài, nên chấp nhận học hành cấp bằng, chùa to, tháp lớn (giống như nhà giàu). Những phước báo mà kinh sách phát triển dạy là phước báo hữu lậu, bằng chứng cụ thể rõ ràng như: Hòa Thượng Thanh Từ, Hòa Thượng Nhất Hạnh đã đạt được những phước báo đó. Còn nói đến phước báo vô lậu thì không thể nghĩ bàn, đó là sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết chỉ có kinh Nguyên Thủy của Đạo Phật mới có những pháp hành này mà thôi.

XÁ LỢI

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy, thế nào là xá lợi của một người tu chứng? Một vị tu chứng hoàn toàn khi bỏ xác thân có xá lợi hay không? Khi vị đó để lại xá lợi thì người giữ xá lợi có công đức hay phước báo gì?

Đáp: Xá lợi là những mảnh xương được trà tỳ (thiêu đốt) còn sót lại.

Người có tu thiện nhập được định, sau khi viên tịch, thân xác được đem trà tỳ (thiêu) những mảnh xương chấy, chảy ra đóng lại thành khối nhỏ hoặc những mảnh xương chấy không hết còn sót lại. Người không tu thiện định, khi chết đem thân xác thiêu đốt, những mảnh xương này chấy hết không còn sót, nhưng cũng có người còn sót lại rất nhiều mà chẳng tu thiện định gì cả.

Người giữ xá lợi giống như người giữ mồ mả không có công đức và phước báo chi hết. Nếu giữ xá lợi có công đức phước báo thì cần gì phải làm điều thiện. Luật nhân quả không chấp nhận điều này và như vậy thì không còn có công bằng, công lý.

Muốn có công đức và phước báo thì phải tu Thập Thiện, làm tất cả những điều thiện, do hành động thiện mà hưởng được phước báo và công đức, chứ không phải giữ xá lợi mà có được phước báo. Giữ xá lợi của người chết, có nghĩa là ta biết ơn người đó cũng như thờ xá lợi vậy.

Người ta xây tháp để thờ xá lợi của Phật, tức là để nhớ ơn Phật, đời đời chẳng quên. Ngày nay chúng ta còn có pháp môn tu tập làm chủ sanh, già, bệnh, chết chấm dứt tái sanh luân hồi, ra khỏi cuộc đời đầy đau khổ, thì ơn nghĩa đó làm sao chúng ta quên được, nên đâu đâu cũng đều có cất chùa thờ tượng Phật. Đó là thâm tưởng nhớ công ơn của Người.

PHẬT VÀ A LA HÁN

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Thầy dạy trên bản thể giải thoát của một vị A-La-Hán và Phật hoàn toàn đồng nhau. Cả hai đồng nhau mà sao vị A-La-Hán không thành Phật liền và đến bao giờ vị đó thành Phật?

Đáp: “Phật” là một danh từ chỉ cho người tu hành đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi, gọi là “Chứng đạt chân lí”, tâm vô lậu hoàn toàn.

“A-La-Hán” cũng là một danh từ chỉ cho người đã tu hành làm chủ sanh, già, bệnh, chết chấm dứt tái sanh luân hồi, cũng gọi là “Chứng đạt chân lí”, tâm cũng vô lậu hoàn toàn.

Nếu chúng ta gọi Phật là A-La-Hán có đúng không?

Đúng, vì tâm vô lậu và làm chủ sanh tử luân hồi giống nhau, nhưng Đức Phật cũng tự xưng mình là A-La-Hán.

Nếu chúng ta gọi A-La-Hán là Phật có đúng không?

Đúng, vì A-La-Hán tu hành giải thoát như Phật, cũng tâm vô lậu, cũng làm chủ sanh tử luân hồi như nhau.

Hai người giải thoát giống nhau, làm chủ giống nhau, người thì gọi là **“Phật”**, người thì gọi là **“A-La-Hán”**, đó là thâm ý độc ác của các nhà hệ phái phát triển, quyết tâm dìm các bậc tu hành chơn chánh của đạo Phật, xuống hàng chót **“Tiểu Thừa”**, thiên của bậc A-La-Hán tu hành, thì gọi là **“Thiên Phạm Phu”**, còn thiên của Bồ tát tu thì gọi là **“Đại Thừa Thiên, Phật Thiên, Như Lai Thiên”**. Chỉ được có danh từ rất vĩ đại còn tu tập thì rơi vào tướng định, một loại bệnh thiên định.

Mưu đồ nham hiểm của ngoại đạo, đưa giáo pháp của mình vào đạo Phật và tìm mọi cách tiêu diệt giáo pháp của đạo Phật để thành lập một Phật giáo mới **“Đại Thừa Phật Giáo”**. Ý đồ rất rõ ràng qua kinh sách phát triển, Bồ Tát Giới và nhất là bốn bộ kinh A Hàm. Một bộ kinh mà các Tổ biên soạn để làm bước chuyển tiếp bằng những bài kinh móc nối chuyển qua giáo pháp phát triển một cách có hệ thống, khiến cho hàng tín đồ Phật giáo không cách nào tìm ra sự gian dối và thâm ý ác độc của các giáo sĩ Bà La Môn.

Đọc bốn bộ kinh A Hàm và năm bộ kinh Nguyên Thủy, so sánh lại ta thấy có nhiều bài kinh mà các Tổ bịa đặt thêm để chuyển tiếp qua giáo pháp phát triển một cách rõ ràng và cụ thể, nếu có dịp thuận tiện Thầy sẽ kê ra những bài kinh đó để cho tất cả tín đồ Phật giáo hiểu rõ thâm ý độc ác của họ hơn.

Hiện giờ, mọi người tu theo đạo Phật mà lại tu tập theo giáo pháp của ngoại đạo (Bà La Môn) thì thật là đau lòng, mọi người bị gạt mà không biết, tu hành chẳng đi đến đâu mà không hay, chỉ có ba hoa tranh luận hơn thua cao thấp bằng ba tactic lưỡi, thiên miệng, thiên ngôn ngữ.

Các Bà La Môn giết đạo Phật mà không cần gươm đao, chỉ bằng những danh từ cay độc, hiểm ác sâu sắc **“Đại Thừa, Tối Thượng Thừa, Phật Thừa của giáo pháp Bà La Môn còn Phật Giáo chánh gốc thì gọi là Tiểu Thừa”**, những danh từ đó cũng đủ đã giết chết đạo Phật. Thật sự là vậy, đạo Phật đã chết từ lâu.

Hiện giờ tu sĩ Phật giáo đều chịu ảnh hưởng rất sâu về giáo lý Bà La Môn Đại Thừa, Tối Thượng Thừa. Kinh sách của họ viết ra đều lý luận theo kiểu Đại Thừa và Tối Thượng Thừa thuộc kinh sách Vệ Đà. Còn Phật Giáo Nguyên Thủy thì họ đã bỏ quên mất, mặc dù có nhiều thầy Tỳ kheo đi học đại học Phật Giáo Nguyên Thủy ở Ấn Độ về, nhưng lối lý luận của họ đều chịu ảnh hưởng sâu sắc giáo

pháp của Bà La Môn.

Tại sao vậy?

Tại vì giáo pháp Nguyên Thủy của đức Phật giới luật và đạo đức rất nghiêm chỉnh, đời sống phạm hạnh không thể tu sĩ thời nay sống nổi, chỉ vì tâm tham đắm vật chất danh lợi thế gian nên quý thầy dù học kinh sách Nguyên Thủy, nhưng vẫn thích sống đời sống Đại Thừa.

Bởi vậy, Phật là A-La-Hán, A-La-Hán là Phật. **“Phật là chúng sanh đã thành và chúng sanh là Phật sẽ thành”**, câu nói này giữa chúng sanh và Phật còn không khác, chỉ khác nhau chỗ thời gian mà thôi, còn bậc A-La-Hán là người tu đã giải thoát hoàn toàn mà gọi là Tiểu Thừa, như vậy quý vị có thấu hiểu lòng dạ của các nhà Đại Thừa như thế nào không?

Hai người tu hành đều chứng như nhau, làm chủ sự sống chết như nhau, có khác nhau là chỗ Phật là Đấng Giáo Chủ, người sáng lập ra tôn giáo Phật giáo (Đạo Phật).

Tuy biết rằng giáo pháp của đạo Phật tu hành không phải khó, nhưng khó với thời đại vật chất hiện nay, vì quá tiện nghi và quá đầy đủ, khiến người ta không bỏ được lòng tham muốn, giáo pháp của Phật rất rõ ràng và cụ thể tu hành đến đâu có giải thoát đến đó, không có mơ hồ trừu tượng. Vậy mà đã bị chìm mất hằng bao thế kỷ nay, khiến cho tín đồ Phật giáo không còn biết đường tu hành. Chúng tôi hiện giờ khai hoang lại con đường này, mong sao những thế hệ sau này có lộ trình tốt đẹp hơn để có pháp môn tu tập, đi đến nơi đến chốn giải thoát hoàn toàn. Và những ước nguyện của chúng tôi được thấy con người trên hành tinh này, sống đối xử với nhau bằng đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người. Nếu được vậy thì đó là đạo Phật đã sống lại với con người và sống mãi mãi.

BẢN THỂ TUYỆT ĐỐI

Câu hỏi của Viên Minh

Hỏi: Kính thưa Thầy! Bản thể tuyệt đối là gì? Người xả tâm sạch, có phải đạt được bản thể tuyệt đối hay không? Thỉnh Thầy chỉ dạy cho con được rõ.

Đáp: Với trí hữu hạn của con người, mà đòi hiểu bản thể tuyệt đối của vạn hữu, cũng như dùng mắt thường mà muốn tìm thấy vi trùng trong ly nước. Do đó, cả thế gian hiện giờ, người ta xây dựng bản thể tuyệt đối bằng “tướng tri”.

Bởi vậy, con người với trí hữu hạn không hiểu, lại không chịu không hiểu, rồi dùng tướng tri để hiểu, nên hiểu sai tất cả, mà cứ ngỡ rằng mình là hiểu đúng, rồi đem truyền dạy cho người khác cũng hiểu như vậy. Từ đó thế giới tướng thành hình, mọi người ai cũng tôn thờ và cung kính, xem như một thế giới vĩnh hằng bất biến của loài người.

Người xả tâm sạch, không phải đạt được bản thể tuyệt đối, mà chỉ mới làm chủ tâm mình (ly dục ly ác pháp). Đối với đời sống hằng ngày, không còn phiền não đau khổ, thương, ghét, giận hờn, hận thù, v.v..

Trong bốn cái khổ của kiếp người, họ mới làm chủ được một cái, trên đường đi đến cứu cánh giải thoát, họ còn phải tu tập nhiều nữa.

Bản thể tuyệt đối, do các tôn giáo khác tưởng ra như: Đại Thừa, Thiên Tông, Mật Tông, Bà La Môn, v.v.. Riêng đạo Phật biết đó là tướng tri của loài người và của các tôn giáo khác, nên Ngài nhắm vào mục đích khác, để giải quyết bốn nỗi khổ của kiếp người “sinh, già, bệnh, chết”.

Sau khi giải quyết bốn cái khổ của kiếp người xong thì Đức Phật xác định: **“sinh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc làm đã làm xong, không còn trở lui trạng thái này nữa”**. Đến đây nếu ai có hỏi: Còn có cái gì không? Nếu nói còn, tức là chấp thường, chấp ngã, nếu nói không thì chấp đoạn.

Bởi vì, trí hữu hạn của con người, đừng nên hiểu xa hơn, mà chỉ biết tu tập như thế nào để thoát khổ của đời người là hạnh phúc lắm rồi. Theo mục đích của đạo Phật là như vậy, còn tìm hiểu thêm thì hiểu sai và hiểu sai thì lại sanh ra chấp đắm, tạo nhiều điều đau khổ và còn đau khổ nhiều hơn. Vì chính hiểu sai (vô minh) sự vật, nên đã lầm chấp thế giới hữu hình và thế giới vô hình là thật có, vì thế mới tạo ra muôn vàn đau khổ cho nhau.

Bây giờ đã thoát khổ mà lại hỏi, còn có hay không thì thật là điên đảo. Không còn chỗ nói được, đã giải thoát hết kiếp khổ của đời người mà hỏi có còn gì không. Chỗ này trí phàm phu, ai hiểu sao cứ hiểu, còn người tu đến đó, có trí vô hạn thì hiểu rõ ràng, kẻ không tu mà muốn biết, cố tìm hiểu cũng chỉ tưởng hiểu mà thôi (hiểu sai bét), và sự hiểu sai đó tạo ra sự mê tín, lạc hậu của những con người cổ xưa, mà bây giờ chúng ta còn giữ mãi, không dám bỏ những cái sai đó, thật là ngu si điên đảo.

Trong thời đại văn minh khoa học như thế này, mà con người còn tin bản thể tuyệt đối. Cách đây 2548 năm Đức Phật đã xác định, qua bài kinh “Pháp Môn Căn Bản”. Lúc bây giờ con người còn lạc hậu, dân trí còn thấp kém, sự hiểu biết

chưa có khoa học chứng minh cụ thể, nên dùng tưởng tri quá nhiều, biến thành một thế giới siêu hình vĩ đại, điều khiển thế giới hữu hình, từ đó con người đã lạc vào thế giới mê tín, trừu tượng. Còn bây giờ chúng ta như thế nào? Cũng sống trong tưởng tri nữa sao? Cũng lạc hậu như những người xưa nữa sao? Trong khi khoa học tiến triển hiện đại hóa đời sống con người mà còn đại khờ, ngu ngốc để kẻ khác lừa đảo, lường gạt lặp lại những bài vở lỗi thời.

Đời sống con người đầy đủ vật chất tiện nghi, bệnh đau có bệnh viện, có bác sĩ chăm sóc, có thuốc thang đầy đủ, cứ sao lại còn lạc hậu mê tín, tin vào cái thế giới siêu hình ấy, để tự làm khổ mình và người khác, phỏng có ích lợi gì. Thật là ngu si vô minh không chỗ nói.

Chân lí của đạo Phật là gì? Là tâm không còn tham, sân, si. Tâm không còn tham, sân, si là tâm không còn dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, tức là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Đó là tâm thanh thân, an lạc và vô sự, là chân lí thứ ba của Phật giáo. Cho nên, Phật và A La Hán đều chứng đạt chân lí này, chứ không phải bản thể tuyệt đối mơ hồ của ngoại đạo.

CHÁNH PHÁP, TÀ PHÁP

Câu hỏi của Liễu Hương

Hỏi: Kính thưa Thầy! Con có người bạn đồng tu, luôn nhắc nhở con, tất cả mọi giáo lý của Thầy không được đưa ai xem.

Thưa Thầy! Các bạn của con, tuy chưa được quy y làm đệ tử của Thầy, nhưng tâm trí thường xuyên hướng theo pháp môn của Thầy, thì con đưa những bài vấn đạo và giáo lý của Thầy có được không thưa Thầy?

Đáp: Được, giáo lý và đường lối tu tập của đạo Phật đã bị ngoại đạo dìm gần như mất gốc. Hôm nay được Thầy tu tập, thấy có kết quả thật sự, giải thoát được tâm hồn của mình, nên triển khai lại những lời Phật dạy chính gốc Nguyên Thủy, để giúp cho người đời sau không còn tu hành lầm lạc.

Hiện giờ người ta chỉ biết qua Phật giáo hữu ngã (Phật tánh), siêu hình (thế giới Cực Lạc, Niết Bàn), thần quyền (bùa chú), v.v.. mang đầy tính chất mê tín, mơ hồ, trừu tượng, dị đoan, lạc hậu, v.v..

Kinh sách phát triển do các nhà học giả xưa và nay biên soạn theo tưởng giải của mình, đã biến giáo lý của đạo Phật thành một giáo lý hỗn tạp đủ mọi loại pháp môn (84 ngàn pháp môn). Nhìn đống kinh sách quá vĩ đại, kẻ tu pháp này, người tu pháp khác, nhưng nhìn lại cuối cùng, chẳng ai tu đến đâu cả, càng

ngày càng thấy tu sĩ sống bừa bãi, phi Phạm hạnh và phạm giới luật nhiều hơn, do đó sanh ra nhiều tệ hại trong Phật giáo, người tu sĩ không còn có đạo đức, thiếu Phạm hạnh, xem thường tín đồ chẳng hiểu gì về giáo lý của đạo Phật, nên muốn giảng nói như thế nào tự do nói, nghĩa là xem tín đồ ngu dốt, ông thầy thuyết giảng gì cũng chẳng biết, bảo đúng cũng làm, bảo sai cũng làm, nói sao nghe vậy, chẳng dám cãi, chẳng dám sửa, chẳng dám nói. Đó là tín đồ Phật giáo hiện giờ.

Sau mười năm mài miệt tu tập trong thất, gần chín năm trời tu Thiền Đông Độ, nhưng không kết quả, đành trở về pháp môn Tiểu Thừa, tu tập **“Giới, Định, Tuệ”**, Tam Vô Lậu Học mà kinh sách phát triển Đại Thừa xem nó như là một pháp môn của ngoại đạo, cấm không cho tu sĩ (Tỳ kheo Tăng và Ni) tu học theo nó.

Nhưng bắt đầu nghiên cứu và tu tập pháp môn này, Thầy đã thấy có kết quả ngay liền. Một sự giải thoát thật sự của kiếp sống con người, bằng cách sống đúng giới luật và hằng ngày tu tập **“Tứ Chánh Cần”**, ngăn ác diệt ác, lìa xa lòng ham muốn vật chất thế gian. Từ đó nhận xét rõ, tâm hồn sống thanh thản và an lạc, tâm gần như cục đất, chẳng biết thương ghét giận hờn ai hết. Tâm thường quay vô ít phóng dật, thân tâm ít muốn, biết đủ, luôn sống trầm lặng, thích thú độc cư, sống một mình mà an vui cả trời.

Sau khi ra thất, Thầy triển khai giáo pháp Nguyên Thủy, nhưng sợ đụng chạm các hệ phái khác, lúc đầu tùy thuận với họ, nên Thầy cấm không cho lưu hành rộng rãi, vì thế bạn đồng tu của con, nhắc nhở không cho ai xem là vậy.

Giai đoạn này thì khác, cần phải vạch rõ và làm sáng tỏ lại Phật giáo, con nên đưa những bài vấn đạo và giáo lý Nguyên Thủy mà Thầy đã triển khai, để mọi người hiểu rõ về Phật giáo hơn.

SINH HOẠT PHẬT GIÁO

Câu hỏi của Liễu Hương

Hỏi: Kính thưa Thầy! Chúng con nhóm họp lại, đề ra một bản nội quy và phân nhóm, thì người bạn đồng tu của con sợ Thầy không đồng ý và chánh quyền địa phương theo dõi làm khó dễ.

Thưa Thầy, trước kia chúng con cũng thường xuyên sinh hoạt ở khu ấy, nhưng cũng chưa hề thấy ai nhắc nhở gì cả, trong những sự sinh hoạt của chúng con chưa hề mâu thuẫn và thắc mắc với nhau những điều gì.

Đáp: Con đường tu theo đạo Phật rất khó, nhất là khó về cách sống (sống đạo). Đời sống phải đúng cách đạo hạnh, ăn, ngủ không được phi thời, thiếu dục tri túc, ít nói, sống trầm lặng độc cư, lúc nào cũng phòng hộ sáu căn: mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý.

Cho nên khi có tổ chức, thành tổ tu tập, thì phải khéo léo, linh động, chia ra nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm độ bốn năm người, nhóm nào sinh hoạt theo nhóm nấy, chứ không được tập trung làm ồn náo, mỗi nhóm phải giữ gìn độc cư trầm lặng, ít nói trong suốt thời gian sinh hoạt tu tập.

Xưa đức Phật đỗi năm trăm vị Tỳ kheo, đệ tử của ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên làm ồn náo ra khỏi khu rừng mà đức Phật đang ở. Xem thế, mới biết kỷ luật của Phật rất nghiêm chỉnh, không tư vị một ai, mặc dù là đệ tử của ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên là hai vị đại đệ tử của Phật nhờ cây nhất, điều khiển và hướng dẫn 1250 vị Tỳ kheo. Đức Phật nghiêm chỉnh trong giáo pháp và giới luật, đó là vì vấn đề lợi ích chung cho toàn thể tu sĩ ở đó. Ta hãy lấy gương sinh hoạt của thời đức Phật mà sinh hoạt tổ nhóm cho đúng cách.

Sau khi soạn thảo nội quy được gửi về Thầy, Thầy sẽ góp thêm ý kiến để bản nội quy được hoàn chỉnh.

Nếu chánh quyền địa phương có theo dõi thì nên nói thật với họ, chúng tôi tu tập theo Phật giáo, pháp môn tu tập đã được nhà nước cho phép rõ ràng (tự do tín ngưỡng), đưa bộ sách Văn Hóa Phật Giáo Đường Về Xứ Phật đã được Nhà Nước cho phép để họ xem và nghiên cứu biết rõ đường lối tu tập của Phật giáo cụ thể và thực tế đầy đủ đạo đức sống không làm khổ mình, khổ người.

THA THỨ

Câu hỏi của Liễu Hương

Hỏi: Kính thưa Thầy! Bạn đồng tu của con đến dự, thấy chị em chúng con vui vẻ, thì lại có ý không vui. Vậy, xin Thầy chỉ dạy cho chúng con sống tùy thuận như thế nào, để không làm khổ mình, khổ người?

Đáp: Phàm con người còn là chúng sanh thì phải còn phạm vào những lỗi lầm, nhưng những lỗi lầm đó để chúng ta rút ra những bài học, tu tập đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng và tha thứ, để mình không còn lầm lỗi và được an vui, giải thoát cho mình cho người.

Các con có đoàn kết, có thương yêu nhau, có khích lệ sách tấn nhau trên đường tu tập, thì đó là các con đã thấp sáng lại ngọn đèn chánh pháp của Phật, còn

nếu các con chia rẽ xấu bụng với nhau, đó là các con đã diệt Phật giáo, dù các con có ngồi thiền nhập định năm bảy ngày, nhưng cách sống không đoàn kết, chia rẽ nhau, thì Phật giáo sẽ mất và mất mãi trên thế gian này, dù có hằng vạn Tỳ kheo tu hành nhưng đó là hình thức Phật giáo, chứ thật ra Phật giáo đã mất từ lâu.

Tu sĩ Phật giáo chia rẽ, thiếu đoàn kết, đó là hiện tượng Phật giáo chơn chánh đã mất. Cho nên, các con cố gắng tránh sự chia rẽ, hãy lo tu tập diệt ngã xả tâm, ly các ác pháp và sống đúng đạo đức không làm khổ mình, khổ người.

Bởi vậy, thiền định của đạo Phật, trước tiên là phải sống đoàn kết thương yêu nhau, biết nhường nhịn lời nói với nhau, biết nhận rõ lỗi lầm của mình và biết tha thứ cho nhau, đó là các con đã sống đời đạo đức nhân quả không làm khổ mình, khổ người; đó là con đã ly dục, ly ác pháp và đó cũng là con đã nhập thiền định đầu tiên của đạo Phật (Bất động tâm định), chứ không phải các loại thiền ngồi lim dim như con cóc ngủ gục.

Còn sống ích kỷ là còn tự làm cho mình khổ và người khác khổ, đó còn là tâm địa phạm phu tục tử, dù có muốn tu theo đạo Phật ngàn kiếp cũng chẳng giải thoát, uổng phí công lực tu tập và còn làm mang tiếng cho Phật giáo. Vậy, các con hãy cố gắng tu tập tỉnh giác và hướng tâm diệt ngã, ly dục ly ác pháp trước tiên, là thấy được kết quả giải thoát mình và người, đó là mục tiêu đầu tiên của đạo Phật, để đem lại đời sống an vui, hạnh phúc cho mình cho người, phải không hỏi các con?

Đức Phật đã thương xót chúng ta, ban cho chúng ta một pháp mẫu vi diệu, một đạo đức tuyệt vời để chúng ta sống và thực hiện một đời sống Thánh thiện, đem lại sự an vui và thanh thân cho mình cho mọi người, biến cảnh thế gian thành Thiên Đàng, Cực Lạc, Niết Bàn, đó mới là thiền định chơn chánh của đạo Phật.

LÒNG YÊU THƯƠNG

Câu hỏi của Liễu Hương

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nhóm con gồm có hai mươi người, lấy thanh quy của Thầy, gửi ra cho Hương Đài, chúng con lấy đó sinh hoạt vào ngày chủ nhật hằng tuần, từ 7 giờ đến 9 giờ, đọc giáo lý của Thầy và tập tỉnh thức (hơi thở hoặc đi kinh hành và trong tất cả việc làm). Chúng con định mời bà Thức ra sinh hoạt có được không thưa Thầy?

Đáp: Được, các con hãy mời bà Thức ra dự, có những bài vấn đạo, các con nên gửi cho ông bà Thức, đừng bỏ ông bà Thức các con ạ!

Các con tu tập có kết quả tốt, giải thoát được thân tâm mình, thì hãy cố gắng giúp cho ông bà Thức, từ lâu đã có công với Phật giáo, nhưng vì lầm lạc trên kinh sách phát triển mà gần cả cuộc đời mình chẳng có công đức gì. Nay tuổi đã già, sức đã yếu, sự chết gần kề mà đường chánh pháp còn xa biệt mù.

Lòng thương yêu ấy, không những đối với ông bà Thức, mà còn đối với mọi người, khi họ có duyên, thì các con nên sẵn sàng giúp đỡ họ bằng mọi cách, hoặc cho mượn băng nghe, hoặc cho mượn sách “Đường Về Xứ Phật”, hoặc cho đọc “vấn đạo”. Tất cả những gì các con có về Phật pháp chơn chánh, đều giúp cho ông bà hiểu thấu suốt đường lối tu tập của đạo Phật, có ích lợi thiết thực như thế nào cho kiếp sống con người, ở hiện tại và mai sau.

Nhất là đạo đức nhân quả (đạo đức không làm khổ mình, khổ người), khi các con có tài liệu giáo trình đạo đức nhân quả, thì lại càng tìm mọi cách phổ biến rộng rãi cho đến từng lớp mọi người, để biến cảnh thế gian thành Thiên Đường.

Hiện giờ con người rất cần đạo đức, vì xã hội đạo đức đang trên đà xuống dốc. Vậy các con nên phổ biến và giúp cho mọi người hiểu biết về đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người thì lợi ích rất lớn các con ạ!

CẬN TỬ NGHIỆP

Câu hỏi của Liễu Hương

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trong lúc nhà có người chết, tại sao lại phải phủ mặt, theo con nghĩ, khi người chết, có người mặt trắng, có người mặt xám, có người mặt vàng khè, như thế tướng trạng của gương mặt thay đổi theo nhân quả của từng người, phải không thưa Thầy?

Cho nên phải đậy mặt lại, để cho người sống đỡ sợ hãi, phải không thưa Thầy?

Đáp: Theo phong tục của mỗi dân tộc trên thế gian này có khác nhau. Riêng dân tộc Việt Nam khi có người chết, đều có tục lệ đậy mặt. Theo sách phong tục tập quán dân tộc Việt Nam, do Toan Ánh biên soạn, nhưng cũng không nói đến phong tục người chết đậy mặt.

Trong kinh sách Phật giáo cũng không có dạy điều này, nhưng có dạy về cận tử nghiệp (nghiệp lực trước khi chết). Khi một người vừa tắt thở, các duyên trong thân ngũ uẩn chưa phân tán, tức là chưa hoại diệt. Nên lúc bấy giờ họ đang thị hiện một giấc mộng, giấc mộng đó báo cho biết, đây là nghiệp cuối cùng của họ trong kiếp này chuyển sang kiếp mới; giấc mộng đó cũng thể hiện một nghiệp lực, do huân tập nhân quả trải dài thời gian của một kiếp con người; giấc mộng

đó cũng đang thực hiện một sức lực (nghiệp lực) tiếp tục tái sanh kiếp mới của con người, khi giấc mộng này vừa tan biến.

Giấc mộng này vừa tan thì thân tứ đại cũng vừa dừng hẳn, nghĩa là thân tứ đại này không còn phục hồi lại được nữa.

Trong thời gian nằm mộng, thì gương mặt người chết biểu lộ qua màu sắc, hoặc những nếp nhăn, cau có, hung dữ hoặc hân hoan, vui mừng, hiền lành, v.v..

Như con đã nghĩ, người chết có khi mặt trắng bạch, có khi vàng khè hoặc có khi xám xịt, v.v.. rồi trở lại bình thường giống như người đang ngủ.

Không phải chỉ có sự thay đổi màu sắc và nếp nhăn mà còn nhiều tướng trạng hiện trên gương mặt ghê sợ như: trợn trừng mắt, há hốc miệng, mím chặt môi, cắn răng, như giận dữ, hoặc le lưỡi, hoặc nói lập bập trong miệng, có khi cười, có khi khóc, có khi gương mặt biểu lộ ra sự sợ hãi, cũng có khi gương mặt biểu lộ ra sự hân hoan, vui mừng và cuối cùng giấc mộng cận tử nghiệp tan biến, thì gương mặt kia trở lại bình thường như người đang ngủ. Nên tục lệ đập mặt người chết có lẽ để cho người sống đỡ sợ.

Vậy, xin những bậc trí giả, các bậc Trưởng lão cao niên hiểu và biết rõ phong tục tập quán này xin mách dùm, chứ trong giáo lý của đạo Phật không có dạy điều này, chúng tôi xin cảm ơn trước.

LINH HỒN

Câu hỏi của Liễu Hương

Hỏi: Kính thưa Thầy! Theo người đời nói: “Người ta khi chết đi, thì hồn siêu phách lạc, hồn ở cây cỏ bóng cao, cầu ao, bóng mát và linh hồn người chết đi khắp đó đây”, có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Trong giáo lý của đạo Phật dạy: con người do năm duyên hợp lại thành, nên gọi là thân ngũ uẩn, khi người chết năm uẩn này tan biến mất, thân tứ đại này trở về với cát bụi hư vô, không còn sót một vật gì thường hằng (linh hồn hay Phật tánh).

Đức Phật đã xác định trong kinh như vậy, thì làm sao có linh hồn siêu, phách lạc, ở cây cỏ, bóng cao, cầu ao, bóng mát, đi đây, đi đó khắp nơi. Đó là một sự mê tín trong dân gian, với trí hữu hạn của con người không thể làm sao biết thế giới siêu hình được, nên phải tưởng ra như vậy. Còn các nhà tôn giáo tu hành chẳng tới đâu, rồi cũng dựa vào sự mê tín lạc hậu của dân gian ấy, để xây dựng tôn giáo của mình có một thế giới Thần Tiên (chư Thần, Thánh, Tiên, Phật v.v..).

Đó là một thế giới siêu hình đầy hạnh phúc, mà cũng là một ước mơ của loài người, nhưng đó cũng chỉ là một thế giới ảo tưởng để mà thỏa mãn ước mơ.

Đã có thế giới Thần, Tiên tràn đầy hạnh phúc và an lạc, thì phải có thế giới địa ngục, mà đã có thế giới địa ngục thì phải có thế giới ma quỷ, có linh hồn người chết, có các đấng và cô hồn vất vưởng cây cao, bóng cả, cầu ao, bóng mát. Phần nhiều người ta nghĩ rằng những linh hồn chết oan không đi đâu thai được nên phải ở cây cao, bóng mát như vậy.

Trong bài kinh **“Pháp Môn Căn Bản”** Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng ta biết (Bài kinh Pháp Môn Căn Bản này được trích ra từ tập 1 kinh Trung Bộ thuộc tạng kinh Việt Nam, trang 9) do trí hiểu biết của chúng ta có hạn lượng, nên đối với các pháp, không thể hiểu rõ, luôn luôn bị lầm chấp, vì dùng tưởng xác định các pháp, nên hiểu từ cái sai này, đến cái sai khác.

Cái thế giới hữu hình mà mọi người đang sống, đã không hiểu rõ nó, nên lầm chấp các pháp là thật có, rồi sanh ra dính mắc, do dính mắc không bỏ được, nên tạo biết bao nhiêu sự đau khổ cho mình cho người trải suốt nhiều đời kiếp.

Thế giới siêu hình là thế giới hình bóng của thế giới hữu hình. Thế giới hữu hình mà chúng ta đang hiểu biết bằng tưởng tri, thì thế giới siêu hình cũng hiểu biết như vậy. Do đó, ta biết thế giới hữu hình và thế giới siêu hình là thế giới tưởng (thế giới không thật có).

Sự lầm chấp của con người, dùng tưởng để hiểu thân ngũ uẩn của mình, nên ai ai cũng cho nó là có thật, cho trong thân ngũ uẩn này có linh hồn bất biến từ vô thủy, cho nó là bản ngã của ta, còn thân ngũ uẩn này là của riêng ta (vật sở hữu của chính mình). Vì thế, ai động đến thân tâm của ta, thì ta sẽ ăn thua đủ, không nhịn ai hết, nếu sức yếu thế cô thì ta ấm ức tức giận không bao giờ nguôi.

Cũng từ sự hiểu biết của tưởng tri, mà ta tưởng ra người chết có linh hồn không chết. Linh hồn mất thân không còn chỗ ở nương tựa, nên hồn siêu phách lạc đi khắp đó đây, hoặc đọa xuống địa ngục, thọ nhiều cực hình, chịu nhiều tội khổ, chờ đến khi mãn hạn, mới được tái sanh luân hồi, làm thân chúng sanh hoặc làm thân người.

Cũng từ bài kinh đó (Pháp Môn Căn Bản), Đức Phật đã xác định: **“Người ta tưởng tri Sanh vật là Sanh vật... (có thật). Người ta tưởng tri chư Thiên là chư Thiên... (có thật). Người ta tưởng tri Phạm Thiên là Phạm Thiên. Người ta tưởng tri Quang Âm Thiên là Quang Âm Thiên... Người ta tưởng tri Biến Tịnh Thiên là Biến Tịnh Thiên... Người ta tưởng tri Quảng**

Quả Thiên là Quảng Quả Thiên... Người ta tưởng tri Thắng Giả là Thắng Giả (Abhibhù)... Người ta tưởng tri Không Vô Biên Xứ Thiên là Không Vô Biên Xứ Thiên... Người ta tưởng tri Thức Vô Biên Xứ Thiên là Thức Vô Biên Xứ Thiên... Người ta tưởng tri Vô Sở Hữu Xứ Thiên là Vô Sở Hữu Xứ Thiên... Người ta tưởng tri Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên... Người ta tưởng tri Sở Tri Kiến là Sở Tri Kiến... Người ta tưởng tri Sở Văn là Sở Văn... Người ta tưởng tri Sở Tư Niệm là Sở Tư Niệm... Người ta tưởng tri Sở Tri là Sở Tri... Người ta tưởng tri Đồng nhất là Đồng nhất... Người ta tưởng tri Sai biệt là Sai biệt... Người ta tưởng tri Tất cả là Tất cả... Người ta tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn...". (Pháp Môn Căn Bản kinh Trung Bộ tập 1 thuộc tạng kinh Pali - Việt Nam, trang 9).

Qua đoạn kinh trên, chúng ta đã thấy rõ, con người đang sống trong thế giới tưởng, mà cứ tưởng rằng có thật. Vì tưởng rằng có thật do đó người ta mới đau khổ, vì tưởng rằng Niết Bàn có thật, nên người ta nghĩ đến tự ngã như là Niết Bàn (Phật tánh có bốn đức Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh), nên Phật dạy: **“Người ấy tự nghĩ Niết Bàn là của ta - rồi sanh ra dục hỷ Niết Bàn”, tức là ham thích cảnh giới Niết Bàn, Phật dạy tiếp: “Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri Niết Bàn”.** (Pháp Môn Căn Bản kinh Trung Bộ tập 1 thuộc tạng kinh Pali - Việt Nam, trang 9). Nghĩa của đoạn kinh trên là chẳng hiểu gì về Niết Bàn cả.

Đọc bài kinh này, chúng ta nhận xét đức Phật đã xác định: **“Con người từ chấp ngã, tâm, linh hồn, Phật tánh, bản thể vũ trụ, cho đến 33 cõi trời và cảnh giới Niết Bàn đều do tưởng uẩn tạo ra. Từ đó con người dùng tưởng tri và ý thức để phân biệt hiểu các pháp, chứ thật sự các pháp không có thật”.**

Thế giới siêu hình là thế giới bóng dáng mà con người lầm chấp có thật. Thật sự nó không có, nó chỉ là một hình bóng của tưởng uẩn mà thôi.

Có người đến hỏi Thầy Chơn Thành: **“Con người từ đâu sinh ra và chết đi về đâu?”.**

Thầy Chơn Thành đáp: **“Con người sanh ra từ dục, sống trong dục, chết trở về dục”.** Nói cách khác cho dễ hiểu hơn và đúng như lời Phật đã giảng trong kinh: **“Con người sinh ra do từ nhân quả, sống trong nhân quả và chết đi về nhân quả”.**

Bởi con người không rõ luật nhân quả, nên chịu mãi trôi lăn muôn đời muôn kiếp trong nhân quả, mà không biết lối thoát ra khỏi nhân quả. Người hiểu biết nhân quả, luôn giữ gìn mỗi hành động thân, miệng, ý làm thiện với mình, với

người, chẳng hề làm một điều ác nào cả, để mình không khổ và người khác không khổ. Theo luật nhân quả người làm thiện như vậy, khi chết sẽ sanh nơi thiện, hưởng được phước báo đầy đủ, sanh ra trong gia đình giàu có, muốn chi có nấy, lại được học hành đến nơi đến chốn và được nuôi dạy trong môi trường đạo đức sống toàn thiện, tạo thêm phước báo cho đời sau nữa. Ngược lại, kẻ không hiểu luật nhân quả, thường không giữ gìn những hành động thân, miệng, ý thiện, nên thường làm những điều ác, tạo khổ cho mình cho người, sống quãng đời hiện tại luôn luôn khổ đau, bất an, bất toại nguyện, v.v.. Sau khi thân hoại mạng chung, chết sanh vào nơi bất thiện, hưởng quả báo nghèo cùng, khổ đau, bệnh tật, tai nạn, đói khát, thiếu cơm ăn, áo mặc, sống không nhà cửa, vất vưởng ngủ hè, ngủ chợ, không được học hành, sống trong môi trường thiếu đạo đức, nên càng ngày càng làm điều ác hơn, tạo nhiều nhân quả xấu, thì đời sống lại càng khổ đau hơn nhiều.

Sống trong môi trường ác nghiệt như vậy, thì lại tạo những điều cực ác hơn nữa và như vậy, khi thân hoại mạng chung, chết phải đọa vào những cảnh khổ hơn làm người bần cùng và sanh vào những loài thú vật, côn trùng, v.v..

Người đó lại hỏi nữa: *“Tại sao các thầy bói lại biết đồ vật trong nhà mình, khi mình đến xem bói”*, Thầy Chơn Thành trả lời: *“Đó là do tướng thức, chỉ có người tu chứng mới biết rõ ràng tận nguồn gốc của nó mà thôi”*. Thế giới tưởng không thể dùng trí hữu hạn của con người mà hiểu được, chỉ có trí vô hạn của Phật mới thấu suốt và biết nó như thật. Ví như, mới học toán lớp một, mà đòi hiểu toán đại học sao hiểu được? Muốn có trí vô hạn lượng, hiểu thấu suốt các pháp, thì phải tu tập.

Nếu không tin lời Phật dạy: ***“Thế giới siêu hình là thế giới tưởng, có hay không có thì phải tu tập theo đúng con đường của đạo Phật, thì tự mình chứng nghiệm không những thế giới siêu hình đó, mà còn thông suốt cả không gian và thời gian tận cùng của vũ trụ”***.

Qua giáo lý kinh sách Nguyên Thủy của đạo Phật, đức Phật đã xác định nhiều bài kinh rằng: thế giới siêu hình chẳng có, đó chỉ là một thế giới tưởng của con người lưu xuất từ tướng uẩn mà thôi, nó không bao giờ có thật sự.

Đức Phật cũng còn xác định rằng: Nếu thế giới siêu hình có thật, thì đạo Phật không có mặt trên hành tinh này. Tại sao vậy?

Đạo Phật ra đời vì mục đích giải khổ cho con người. Nếu thật sự có thế giới siêu hình, tức là các pháp trên thế gian này không phải do duyên hợp tạo thành, mà phải do một đấng Vạn năng sáng tạo. Vì thế, mọi sự trừng phạt và khen thưởng đều do vị này. Chúng ta hãy chịu khó đọc lại một đoạn kinh Tiểu Thừa trong tập

kinh Tăng Nhất A-Hàm, tập 1 trang 455 thuộc tạng kinh Việt Nam. Các Thầy Tỳ kheo thưa hỏi Phật: **“Bạch Thế Tôn! có sắc nào thường còn không biến đổi, tồn tại mãi ở đời, mà không di động chẳng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào hằng còn không biến đổi, tồn tại mãi ở đời mà không di động chẳng?”**

Phật dạy: **“Này các Thầy Tỳ kheo! Không có sắc nào hằng còn tồn tại mãi ở đời mà không biến đổi, lại không có thọ, tưởng, hành, thức nào, hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi”.**

“Này các Thầy Tỳ kheo! Nếu lại có thức này (linh hồn, Phật tánh, Bản lai diện mục, Thần thức, v.v..) hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi, thì người tu Phạm hạnh (tu theo đạo Phật giới, định, tuệ) chẳng thể phân biệt được thiện ác và chẳng thể dứt hết gốc khổ”.

Lúc bấy giờ, đức Phật, lấy một ít đất để trên đầu móng tay và bảo: **“Nếu chỉ còn một chút xíu đất trên móng tay ta, không thay đổi thường hằng, thì người tu theo Phạm hạnh (theo Phật giáo) chẳng thể chấm dứt các khổ”.**

“Vì thế, này các Thầy Tỳ kheo! Vì không còn chút xíu thức nào, nên mới thực hiện được phạm hạnh, dứt được mé khổ”.

Bài kinh trên đã xác định rõ ràng, nếu còn có một chút xíu thế giới siêu hình (linh hồn, thần thức) thì đạo Phật không có mặt trên hành tinh này, vì không thể tu tập, làm chủ sanh, già, bệnh, chết được mà đã tu tập không làm chủ được sanh, già, bệnh, chết thì mục đích của đạo Phật ra đời để làm gì?

Hay ra đời để bắt chước lục sư ngoại đạo, xây dựng thế giới siêu hình có Thân Thức, Linh Hồn, Tiểu Ngã, Đại Ngã, Chơn Như, Phật Tánh, Bản Thể Vạn Hữu, Bản Lai Diện Mục, v.v..

Thời đại đức Phật ra đời là thời đại dân trí còn thấp kém, con người đang sống trong mê lầm lạc hậu, mê tín, nên tất cả các tôn giáo khác đều theo sự lạc hậu, mê tín đó đang ở trong bối cảnh xã hội như vậy. Các tôn giáo cũng không thể nào thoát ra khỏi thế giới siêu hình tưởng đó. Vì vậy, các tôn giáo cũng là những con người đang nằm trong thế giới tưởng uẩn của họ, cho nên không còn có cách nào khác hơn được nữa, họ phải xây dựng thế giới siêu hình vĩ đại hơn của con người đang có, để dễ lừa đảo hơn. Thế nên, pháp môn tu tập của các giáo phái cũng không thoát ra khỏi tưởng tuệ, thường sống trong tưởng tri. Cho nên, họ đều xây dựng thế giới siêu hình, có thần linh, có linh hồn, thì phải có sự cứu rỗi, có ban phước lành; thì phải có gia hộ, có trừng phạt, có giáng họa; có gia

hộ, có trừng phạt, có giáng họa, thì phải có thưởng, có khen, v.v..

Vì thông suốt thời gian và không gian của vũ trụ, nên đạo Phật biết rất rõ các cõi đều do tướng tri của con người sản xuất ra, nên mạnh tay đập phá thế giới hữu hình cũng như thế giới siêu hình, bằng một sự biết rất rõ, nó không có thật thường làm đau khổ cho loài người. Cho nên, qua những bài pháp chỉ thẳng rất thực tế và cụ thể, mà hiện giờ thời đại khoa học của chúng ta cũng phải chấp nhận những bài pháp đó thật là logic và khoa học.

Ngài chấp nhận cõi Trời, là chấp nhận việc làm thiện của con người. Những hành động thiện sẽ mang đến cho họ một cuộc sống an vui, thanh thản và hạnh phúc, đó là cảnh giới **“Thiên Đàng”**, Ngài chấp nhận ngay tại cuộc sống ở thế gian này, là cõi **“Trời”** chứ không ở cõi nào khác cả.

Ngài chấp nhận cõi địa ngục, là chấp nhận những việc làm ác của con người. Những hành động ác đó sẽ mang đến cho họ một cuộc sống tai ương, họa khổ, bất an, đó là cảnh giới địa ngục, tại thế gian này, chứ không có cõi địa ngục nơi nào khác cả.

Cho nên, **“Thiên Đàng”** hay **“Địa Ngục”** đều ở tại cảnh giới thế gian này, do chính bàn tay, khối óc, lời nói của con người tạo ra, chứ không phải có cảnh giới Thiên Đàng, Địa Ngục có sẵn để trừng phạt và khen thưởng con người.

Theo giáo lý của Đức Phật dạy: **“chẳng có ai ban phước giáng họa cho con người, mà chính con người tự ban phước giáng họa cho mình”**.

Ngài chấp nhận cảnh giới Niết Bàn là chấp nhận một trạng thái tâm hồn đoạn diệt lòng ham muốn và các ác pháp.

Ngài không chấp nhận thế giới siêu hình huyền hoặc, do tướng tri bịa đặt ra để lừa đảo, lường gạt người khác, tạo cảnh giới mê tín, khiến cho con người tiền mất tật mang, mà chẳng ích lợi gì cho cuộc sống. Ngài thường cho thế giới đó là thế giới bóng dáng của thập nhị nhân duyên, thế giới tướng tri của con người, vì vô minh chẳng rõ nên lầm chấp là có thật mà thôi.

Thời đại đức Phật ra đời, là thời đại tình trạng dân trí còn thấp kém, lạc hậu, nên thường sống trong tướng tuệ, không thể hiểu được thực thể của các pháp, luôn luôn bị các nhà tôn giáo **“tướng”**, dồn nhét vào đầu óc con người, thêm những hình ảnh huyền bí, thần thông siêu việt, những linh hồn ngự trị ở cây cao bóng mát, những ma thiêng như đom đóm lập loè trong đêm tối, những vị thần linh khổng lồ vĩ đại, như đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế quyền uy sáng tạo vũ trụ, cai trị, xử phạt, ban phước, giáng họa cho cả loài người và chư thiên. Muốn cho thế giới tướng đó hoạt động một cách hiệu nghiệm, các nhà tôn giáo dùng tướng

ấm của mình, bằng cách **“ức chế ý thức và ám thị tưởng ấm”**, khiến cho ý thức phải ngưng nghỉ, tưởng thức hoạt động. Muốn cho ý thức ngưng hoạt động và tưởng thức hoạt động các nhà tôn giáo phải tọa thiền, tụng kinh, trì chú, niệm Phật, luyện bùa, luyện chú, ám thị, kệ tụng kêu gọi âm binh, tạo cảnh hồn ma, phách vía mờ mờ, ảo ảo, nói chuyện quá khứ, vị lai, trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ, trừ ma linh hiển, khiến cho người ta quá sợ hãi và tin tưởng.

Cũng do thế giới siêu hình huyền ảo đó, bằng cách này hoặc bằng cách khác, tưởng giải ra mọi hình thức trừu tượng ảo ảnh. Con người đang sống trong tai ương, hoạn họa, bệnh tật khổ đau của nhân quả và đứng trước cảnh thiên tai, thủy tai, hỏa tai, địa họa sấm sét kinh thiên động địa, trước cảnh đó làm sao con người không sợ hãi, khiếp đảm và không tin tưởng thế giới siêu hình sao được.

Vì sợ hãi, con người phải xin gia nhập vào tôn giáo để nương tựa, nhờ sự gia hộ, cứu độ của đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, Chúa, chư Phật, chư Bồ Tát, v.v.. Từ đó con người đặt trọn niềm tin sống trong thế giới siêu hình tưởng, một thế giới hình bóng mà không biết cứ ngỡ rằng đó là thế giới chơn thật, đến khi chết bỏ thân này cũng sẽ trở về thế giới vĩnh viễn đó. Vì vậy, mọi việc làm thiện ở đời này, đều hồi hướng cầu mong được chấp nhận về nơi ấy. Đó là một ảo tưởng của con người thời xa xưa và con người thời bây giờ cũng đang ở trong tâm nguyện như vậy.

Thế giới siêu hình này, đã ăn sâu vào tận gốc con người, một truyền thống lâu đời, khó mà gọt sạch được trong thời gian ngắn, mặc dù hiện giờ có người đã biết, đó là một thế giới tưởng (thế giới không thật có) tuy biết vậy nhưng cũng không thể bỏ được.

“Vả lại, trí hữu hạn của con người, không tài nào họ hiểu sự vật đúng như thật được, nên dù sao họ cũng phải tin rằng, có thế giới siêu hình”.

Đạo Phật ra đời, trong một giai đoạn con người đang sống trong thế giới tưởng, chịu ảnh hưởng của các tôn giáo thần quyền rất sâu đậm, nên khó thuyết phục con người đập phá thế giới siêu hình một sớm một chiều được. Vì vậy, đức Phật nói thẳng, nói mạnh, ai muốn hiểu sao tùy ý, sáng suốt thì nhờ, vô minh mù mờ thì chịu. Cho nên, có những bài kinh đức Phật nói rất mạnh mẽ, để xác định rõ ràng, thế giới siêu hình không có, chỉ là tưởng tri.

Đọc kinh sách Nguyên Thủy, ta nhận xét rõ đạo Phật ra đời, quyết đem lại một sự hiểu biết thật sự cho con người, một cuộc sống chơn thật, khiến cho con người không còn lầm lạc để thoát ra khỏi cảnh khổ đau, bất an, bất toại nguyện

v.v..

Pháp môn của Ngài tu tập, thiết thực, cụ thể, rất khoa học, không mơ hồ, trừu tượng, viễn vông, thực tập để thoát khổ của kiếp làm người.

Muốn thoát kiếp khổ làm người, thì phải thực hiện một đời sống Phạm hạnh của một tu sĩ Phật giáo (giới luật) và tập tỉnh thức trong từng niệm của cuộc sống, không làm khổ mình, khổ người, bằng ý thức cụ thể, rõ ràng, đối với các pháp, luôn luôn lúc nào cũng cảnh giác không để tưởng thức xen vào. Vì có tưởng thức xen vào thì mất ý thức tỉnh giác, đối với các pháp, lúc nào tà niệm cũng hiện tiền, có tà niệm thì có ác pháp sanh khởi, ác pháp sanh khởi thì con người phải chịu khổ đau. Khi con người có khổ đau, có tai nạn, có bệnh tật v.v.. thì thế giới siêu hình tưởng phải đến với họ.

Khi đức Phật còn tại thế, người ta đặt trọn niềm tin ở Phật, nhờ thế mà có một số người sống đúng Phạm hạnh như Phật nên mới tu chứng đạt chân lý thật sự, vì sống theo gương hạnh của Phật, cho nên thoát ra khỏi kiếp khổ của con người, làm chủ sự sống chết, luân hồi.

Đến khi đức Phật và các bậc Thánh Tăng nhập diệt, không còn ai làm gương hạnh, nên Phạm hạnh không còn với những bậc phàm Tăng. Giới luật bị bẻ vụn, không còn ai giữ gìn nghiêm túc, sống phóng dật theo dục lạc thế gian, ăn ngủ phi thời, không thiếu dục tri túc và không phòng hộ sáu căn. Từ đó, các Ngài dựa vào pháp môn của ngoại đạo triển khai thành kinh sách phát triển, thường lý luận để bảo vệ sự phạm giới, phá giới của mình, hòng che mắt tín đồ. Biến dần giáo pháp của đạo Phật thành một giáo pháp mê tín, Phật giáo biến thành thần giáo, đức Phật biến thành ông thần chuyên làm việc gia hộ ban phước. Pháp môn của Phật dùng để traу đổi thân tâm, sửa những lỗi lầm, xa lìa ác pháp, viễn ly tâm ham muốn và tu tập nhập các loại định làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Thế mà bây giờ lại biến thành giáo pháp tụng niệm, cúng tế, trừ tà, ếm quỷ, trị bệnh, cầu an, cầu siêu, v.v.. Dựng lên 33 cõi trời và vô số cõi Phật, có một cõi Cực Lạc Tây Phương rất lý tưởng của loài người, một bản thể siêu việt vĩ đại (Phật tánh) thường, lạc, ngã, tịnh (an lạc và bất biến mãi mãi trường tồn). Kể ra tất cả các tôn giáo trên thế gian này, không có một tôn giáo hữu thần nào hơn được Phật giáo phát triển bây giờ.

Theo tưởng giải, dựa vào giáo pháp của ngoại đạo, kinh sách phát triển đã chìm mất giáo pháp chơn chính của đạo Phật, đến giờ này, ngay chính vào thời đại của chúng ta, là thời đại khoa học hiện đại, thế mà những con người có học thức, có trình độ trên đại học, vẫn còn tin có thế giới siêu hình và cũng còn mê tín như những người dân lạc hậu xưa kia, thì làm sao những người dân lao động, thiếu học không tin được.

Các nhà học giả Phật giáo phát triển rất khéo léo, đem tất cả giáo lý của ngoại đạo pha trộn lại, biến thành giáo lý Phật giáo phát triển, trong đó có vay mượn giáo pháp Nguyên Thủy, nhờ đó dễ bề lừa đảo tín đồ Phật giáo, trong mọi giai cấp con người.

Ở đây, giới bình dân ít học, kiến thức hiểu biết còn hạn hẹp, trước cảnh tai ương, hoạn họa, bệnh tật nan y; trước cảnh thiên tai, địch họa; trước cảnh bão lụt, địa chấn, hỏa sơn, khiến cho con người khiếp đảm, sợ hãi, trong sự khiếp đảm sợ hãi đó con người tưởng ra những vị thần linh có đầy đủ oai lực, có sự ban phước và cũng có sự giáng họa, theo hành động thiện ác của mỗi người.

Lợi dụng tưởng tri mê tín này, các tôn giáo xây dựng thế giới siêu hình, biến thành cõi Thiên Đàng và Địa Ngục, có chư Phật, Thánh, Tiên, Thần, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Diêm la, Thủy phủ, tà, ma, quỷ quái, v.v.. Xây dựng thế giới siêu hình xong các vị giáo chủ sản xuất những loại kinh, cúng tế, tụng niệm, cầu an, cầu siêu, làm lành, bố thí, phóng sanh và còn kêu gọi cúng dường trai Tăng, xây chùa, cất tháp, lập miếu, dựng đình, v.v..

Giới trí thức có hiểu biết hơn, thì không tin sự mê tín vu vơ đó, lại tin vào sự mê tín trừu tượng như: Bản Thể Vạn Hữu, Tâm, Tánh, Phật Tánh v.v.. Do đó, họ chạy theo những pháp môn thiền định, tu tập để mong **“Kiến tánh thành Phật”**. Thật là buồn cười cho mọi người. Khi thấy tánh thành Phật thì làm lợi ích gì cho mình, cho người, hay chỉ dùng ba tactic lừa đảo người khác. Thấy tánh thành Phật có hết tâm tham, sân, si không? Có làm lợi ích gì cho kiếp sống của con người không? Hiện giờ biết bao nhiêu người đã kiến tánh thành Phật mà đã hết tâm tham, sân, si chưa? Đã thành Phật chưa? Phật như thế nào? Hay là những danh từ **“đại giác”** suông? **“chúng đạo”** suông? **“giác ngộ”** suông? Kiến tánh thành Phật sao còn tham tiền, tham bạc, ăn ngủ phi thời, giới hạnh, giới đức chẳng có, sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới v.v..

Trong khi đạo Phật, không chấp nhận thế giới siêu hình; không chấp nhận tụng kinh, cúng bái, cầu nguyện, tế lễ, thì cúng bái tụng kinh, cầu khẩn và tế lễ với ai cho ai đây? Đạo Phật là Đạo vô ngã. Vậy, ngôi thiền nhập định để kiến tánh thành Phật là Phật gì? Vô ngã sao lại còn có Phật?

Đạo Phật là một tôn giáo ra đời, để giải quyết bốn điều khổ của kiếp người **“sanh, già, bệnh, chết”**. Giáo pháp của Người xây dựng trên một nền tảng **“Đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người”**.

Pháp môn của Người dạy tu tập tỉnh thức là để ngăn chặn lòng tham muốn và ngăn chặn các ác pháp, nhờ đó mới mang lại sự an vui, thanh thản và hạnh phúc cho mình, cho người. Một giáo pháp rất thực tế và cụ thể cho mọi người,

nếu mọi người ai cũng ý thức và hiểu biết về pháp môn này, nỗ lực thực hiện sống đúng lời dạy của đức Phật, thì xã hội loài người sẽ trở thành Thiên Đàng, Cực Lạc, còn có cần gì đi tìm cõi Thiên Đàng, Cực Lạc mơ hồ, trừu tượng kia, mà chẳng bao giờ có.

Vừa rồi, chúng tôi được đọc một cuốn sách tựa đề **“SỰ SỐNG SAU KHI CHẾT”**. Đọc xong cuốn sách này, nếu người nào không có tu tập theo giáo lý Nguyên Thủy của đạo Phật và không có chứng nghiệm pháp hướng tâm, thì chắc chắn phải tin rằng có thế giới siêu hình. Toàn bộ cuốn sách tác giả đã lượm lặt những mẩu chuyện **“cận tử nghiệp”**. Tác giả này chưa bao giờ tìm hiểu Phật giáo và nếu bây giờ có tìm hiểu và nghiên cứu Phật giáo thì ông ta cũng vẫn hiểu lầm lạc, vì một đám mây mù giáo pháp phát triển đã che phủ và lấp kín lời dạy của đức Phật.

Những mẩu chuyện cận tử nghiệp của bao nhiêu người lâm sàng trên giường bệnh trong bệnh viện, tác giả đều cho đó là một trạng thái của cuộc sống sau khi chết. Họ đâu biết rằng trong thân tứ đại này, khi con người còn sống có cả hai thế giới hữu hình và vô hình, nhưng khi thân tứ đại này chết, thì cả hai thế giới ấy đều diệt sạch. Khi thân này còn sống, cái gì hoạt động trong thế giới hữu hình? Và cái gì hoạt động trong thế giới vô hình?

Khi còn sống, con người hoạt động trong thế giới hữu hình bằng **“sắc thức”**. Sắc thức gồm có sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức; còn hoạt động trong thế giới vô hình thì chỉ bằng một **“tưởng thức”**.

Bình thường hằng ngày chúng ta sống làm mọi việc, thì ý thức điều khiển hoạt động do ý căn (bộ óc và thần kinh). Khi ý thức ngưng hoạt động giống như người đang ngủ, thì tưởng thức hoạt động, sinh ra giấc mộng (chiêm bao), cũng do ý căn (bộ óc và hệ thần kinh) điều khiển.

Cho nên, một người bị bệnh tim, gan, phèo, phổi, v.v.. một trong những bộ phận đó bị ngưng hoạt động, được xem như chết, nhưng thật chưa chết hẳn, ý thức ngưng hoạt động, hơi thở dừng, tim không đập, nhưng hệ thần kinh tưởng còn hoạt động, tức là tưởng thức hoạt động (chiêm bao). Giấc chiêm bao đó gọi là **“cận tử nghiệp”**. Hằng ngày trong cuộc sống họ ưa thích làm những điều ác, thiện, đi chùa, nhà thờ, cúng bái, tụng niệm, ngồi thiền, ước vọng được sanh lên Thiên Đàng gặp Chúa, được vãng sanh về Cực Lạc Tây Phương, gặp Đức Phật Di Đà, được thấy hào quang ánh sáng của chư Thiên, chư Phật, chư Bồ Tát, v.v.. Đó là những người được theo các tôn giáo và được những giáo pháp của các tôn giáo đã ghi những ấn tượng vào đầu óc của họ bằng những hình ảnh Chúa, Phật, ánh sáng, hào quang, hoa sen, thì cận tử nghiệp sẽ thể hiện giấc mộng y như hình ảnh đó.

Lợi dụng cận tử nghiệp, Tịnh Độ Tông sử dụng hộ niệm để giúp người sắp chết, thực hiện giấc mộng trực vãng Tây Phương. Tịnh Độ Tông nghĩ rằng: nghiệp cuối cùng (cận tử nghiệp) có thể thể hiện được những ước ao và ý nguyện lúc còn sống. Đó là về phần của những người có tôn giáo.

Còn những người không tôn giáo, thì cận tử nghiệp thực hiện giấc mộng theo tâm ham muốn danh, lợi, thương, yêu, mến, tiếc, giận hờn, tức tối, thù hận, căm ghét, la hét, sợ hãi, v.v.. Đó là những điều làm ác, ngược lại làm thiện thì cũng thấy cảnh vui tươi, hoan hỷ, sung sướng v.v..

Vì huân tập thành thói quen (nghiệp lực), lúc sắp chết, tưởng thức hoạt động tựa tựa như giấc chiêm bao. Giấc chiêm bao chỉ có sáu thức ngưng hoạt động, còn toàn bộ cơ thể đều hoạt động bình thường.

Người sắp chết, cũng ở trong trường hợp này sáu thức ngưng hoạt động nhưng lại khác là do một tạng phủ nào bị hư hoại không hoạt động được, chứ không giống như người ngủ chiêm bao.

Đó là trường hợp người sắp chết tưởng thức hoạt động, nên thấy mình xuất hồn ra khỏi thân và thấy thân đang nằm trên giường bệnh, các y, bác sĩ đang làm hô hấp cứu chữa. Nhưng cũng có người lúc lâm sàng trên giường bệnh chết, bấy giờ duyên năm uẩn chưa phân ly, nên tưởng thức hoạt động, bệnh nhân như nằm mộng, thấy hào quang ánh sáng, chư Thiên Thần, chư Tiên, chư Phật, chư Bồ Tát, Ngọc Hoàng, Thượng đế, quý sứ, ngưư đầu, mã diện, vua Diêm La, v.v.. Nhờ hô hấp, cứu chữa của y, bác sĩ, bệnh nhân tỉnh lại, giống như một giấc mộng và kể lại cho những người thân nghe: **“chắc chắn có sự sống sau khi chết, có địa ngục hẳn hoi”**. Qua những hình ảnh đó, con người không ngờ, đó là một hình bóng, do tâm ước muốn mà tưởng thức thể hiện qua giấc mộng cận tử nghiệp.

Nếu thật sự năm duyên ngũ uẩn phân ly, tan rã thì chẳng còn gì là của ta nữa hết, linh hồn, thần thức, Phật tánh cũng tiêu tan hết, chỉ còn lưu lại nghiệp thiện, nghiệp ác mà trôi và tiếp tục theo nghiệp thiện, nghiệp ác đó, tương ưng vô minh theo hành động nhân quả của kẻ khác tái sinh luân hồi (Vô minh sanh hành, hành sanh thức).

Từ vô minh, chúng ta tạo nghiệp thiện nghiệp ác, trong cuộc sống hằng ngày, đến khi chết rồi, chỉ còn lại nghiệp thiện, nghiệp ác, rồi cũng theo vô minh, tiếp tục tái sinh luân hồi kiếp khác, cứ mãi như vậy, trôi lăn trong dòng nước nghiệp muôn kiếp muôn đời.

Do thế, đức Phật dạy: **“con người từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả và chết trở về nhân quả”**, chúng ta biết rất rõ, chẳng có thế giới siêu hình, chẳng có đấng tạo hóa nào cả, chẳng ai sanh chúng ta ra cả và cũng chẳng có ai ban phước, giáng họa cho ta được, mà chính chúng ta biết dùng dòng nước nghiệp, thì tất cả tai nạn, bệnh tật, đau khổ và sự tái sanh luân hồi đều chấm dứt.

Trí hữu hạn của con người không thấu suốt và không thấy rõ thế giới nhân quả, nên lầm chấp có thế giới này, có thế giới kia, rồi sanh ra dính mắc, cái này thường hằng, cái kia vô thường, từ đó tranh luận theo tướng giải, kiến chấp, ngã chấp của mình, sản xuất ra biết bao nhiêu cái sai lầm, sai lạc, tự cho cái này đúng, cái kia sai, rồi chia phe nhóm ra bài bác, chỉ trích lẫn nhau, loanh quanh, lẫn lộn suy tới, nghĩ lui cũng chỉ ở trong vòng tướng thức mà thôi, không thể nào vượt ra khỏi sự hiểu biết hữu hạn của ý thức con người.

Đời sống của con người, sự hiểu biết lúc bình thường là ý thức, đến khi gặp thiên tai, hỏa hoạn, sấm sét, chớp giăng, lũ lụt, bão tố, tai ách, bệnh tật nan y, v.v.. Trước những cảnh quá khiếp đảm sợ hãi đó, ý thức không thể nào hiểu nổi được, nên tướng thức bắt đầu hoạt động, thì thế giới siêu hình hiện ra, có những vị Thần trong tâm tưởng của họ như: Thần Mưa, Thần Sấm, Thần Sét, Thần Núi, Thần Sông, Thần Cây, Thủy Thần, Hỏa Thần, Thổ Thần, v.v.. Tất cả những vị Thần này có thể ban phước, giáng họa cho loài người.

Với lòng thành kính tin tưởng và lúc nào cũng tựa nương vào những đấng thần linh này, nên có việc lớn, việc nhỏ gì cũng đều van vái, cầu khẩn, cúng bái các vị thần linh, lòng tin tưởng đó bắt đầu có hiệu nghiệm, thấy có sự linh nghiệm rõ ràng. Cho nên, người ta nói rằng: gò mối mà cứ đến thắp hương cúng bái, thì gò mối cũng linh hiển. Cái linh hiển đó từ nơi đâu mà có? Chưa có ai hiểu được, ngoại trừ những bậc chơn tu, thạc đức, tu hành đúng theo đường lối của đạo Phật đạt đến Tứ Thiên, Tam Minh mới biết rõ từ nơi tướng ấm của con người nhờ sức **“ám thị”** tạo ra, hay nói một cách khác, sự linh hiển đó, do lòng tin tưởng của chúng ta, tự động đã ám thị trong tâm chứ không phải có các thần linh trong thế giới siêu hình linh hiển thật sự.

Từ sự linh hiển đó, khiến cho người ta tin rằng, có thế giới siêu hình thật sự, có ma, có quỷ, có linh hồn người chết. Tin tưởng vào những hình bóng như vậy, gọi là mê tín, tin mà quên mình dám hy sinh cho những thần linh đó, gọi là cuồng tín. Đó là những giai đoạn đa thần, do từ lòng quá sợ hãi của con người sản xuất ra bằng tướng thức, để an ủi tinh thần lúc quá khiếp đảm sợ hãi.

Tôn giáo ra đời cũng dựa vào lòng mê tín đó, không bỏ bớt các vị thần kia nhưng lại xây dựng một thế giới siêu hình nhất thần, do các đấng giáo chủ có

đủ quyền năng điều khiển và sai khiến được các vị thần của dân gian đặt ra, họ có quyền năng tối cao hơn các vị thần khác, nên con người tin theo và xin gia nhập vào tôn giáo đó để được các vị thần trên hết ban phước cho mình.

Các nhà làm tôn giáo, chỉ cần thực hiện một vài thần thông tưởng nho nhỏ, do sự tu tập thiền định tưởng, hoặc dùng tưởng lực bùa chú, tạo ra những thần lực mà con người bình thường không thể làm được, thì mọi người sẽ theo tôn giáo mình rất nhiều. Ví như biến hóa, tàng hình, đi trên nước, đi trên lửa, đi trên hư không như chim bay, biết chuyện quá khứ vị lai của người khác, trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ, v.v.. Làm những việc như vậy sẽ có nhiều người theo tôn giáo mình rất đông.

Có một số tôn giáo lợi dụng sự trị bệnh và cứu trợ tiền bạc, thực phẩm, gạo, sữa, đường, thuốc thang, v.v.. để lôi cuốn mọi người vào tôn giáo mình, đó là mảnh khoé của các nhà làm tôn giáo. Cho nên, Phật giáo phát triển có Tứ Nhiếp Pháp để nhiếp phục người khác vào tôn giáo mình.

Do dùng tưởng tập luyện, nên tâm danh, lợi, sắc dục vẫn còn, vì thế, khi có chút ít thần thông, thì lập thành một giáo phái, rồi hướng dẫn người theo giáo phái mình tu tập. Nếu vị giáo chủ không sa ngã danh, lợi và sắc đẹp, có giới luật, có kỷ cương hãn hoi, có pháp hành và tu tập có kết quả, thì giáo phái đó được duy trì lâu dài, còn ngược lại không có kỷ luật, vị giáo chủ đắm say danh lợi và sắc dục thì thần thông tưởng biến mất, vị giáo chủ kia đi ở tù vì tội lừa đảo.

Trong đương thời, phát triển đạo giáo, thì vị giáo chủ bày ra đủ thứ mê tín, khiến con người hao tổn tiền bạc rất nhiều, nhưng cũng có điều dạy rất tốt, dạy người làm lành, biết thương yêu nhau, bố thí giúp nhau trong cảnh hoạn nạn, tương thân tương trợ đoàn kết với nhau. Nhưng rất độc tài và bảo thủ tôn giáo mình nên sách động tín đồ làm việc cực ác. Phần nhiều có chiến tranh trên hành tinh này đều do tôn giáo gây ra, máu xương con người chất như núi.

Bởi vậy, tôn giáo ra đời có lợi mà cũng có hại, lợi là dạy người làm thiện, tu thiện, biết thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau; hại là tôn giáo này tranh giành tín đồ với tôn giáo khác, vì hệ tư tưởng khác nhau. Nhưng xét cho cùng, tất cả các tôn giáo khác trên thế gian này đều lấy tưởng thức tu tập, thậm chí như: Võ công, Khí công, Kinh công, Nội công, Yoga, Dưỡng sinh đều tập luyện bằng tưởng lực, chỉ trừ ra có Phật giáo không dùng tưởng.

Phật giáo lấy ý thức chủ động điều khiển, lấy đạo đức nhân quả làm nền tảng vào đời, nên không làm khổ mình, khổ người, luôn sống với trí tuệ nhân quả, chuyển hóa được quả xấu thành quả tốt, luôn tạo nhân lành bằng hành động thân, miệng, ý, tránh tạo nhân ác, khiến đời sống mình và mọi người đều được

tràn đầy hạnh phúc, an vui, chan hòa với nhau.

Những giáo lý và pháp môn đạo đức cao quý này, đã bị những giáo lý tưởng giải, kiến giải của các nhà học giả phát triển triển khai ra và đã tìm mọi cách dìm mất giáo lý của đạo Phật, nên hiện giờ con người trên hành tinh này đã đánh mất đi một nền đạo đức nhân bản - nhân quả tuyệt vời không làm khổ mình, khổ người.

Nếu các tôn giáo cho rằng: có đời sống sau khi chết và lấy những mẫu chuyện cận tử nghiệp của nhà sư tâm Raymono A-Moody cho là thật, thì chúng tôi xin nêu một ví dụ.

Ví dụ, có một bệnh nhân cần phải mổ, trước khi mổ phải gây mê cơ thể cho người này. Khi bị gây mê, người này không còn biết gì hết, giống như người ngủ say, thì lúc bấy giờ linh hồn người này đâu bị gây mê, sao họ lại mất tiêu, không xuất linh hồn ra ngoài thân, để xem lại thân họ đang bị mổ, như các trường hợp trong sách này thuật lại. Trường hợp thứ hai, trong các nhà Thiên bảo rằng: **“thể tánh con người hằng biết, hằng nghe, hằng thấy. Vậy, sao lúc gây mê chẳng còn nghe thấy biết gì cả?”**.

Phật dạy: **“cận tử nghiệp”**, người sắp chết thường thể hiện cận tử nghiệp như giấc mộng, thấy cảnh giới này, cảnh giới khác, có người thì mê man bất tỉnh chẳng biết gì cả, đó là tùy theo nghiệp (thói quen do lòng ham muốn), tiếp tục tái sinh luân hồi theo nghiệp lực dục tương ứng với đối tượng nghiệp lực dục đó, ngay liền sau khi thân này không còn phục hồi lại được nữa. Do đó, sự sống sau khi chết không có, chỉ có một cuộc sống hiện hữu đang tiếp diễn trong luật vô thường nhân quả, từ thân này đến thân khác liên tục mãi, tiếp nối nhau mãi không bao giờ có kẽ hở, như ngọn đuốc này tắt, tiếp nối ngọn đuốc khác.

Đó là một đạo luật nhân quả bất di bất dịch, muôn đời muôn kiếp của loài người không có ai thay đổi được, bởi vì con người từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả và chết trở về nhân quả.

(còn tiếp)

.....

Nguồn: Đường về Xứ Phật Tập 4 - Nhà xuất bản Tôn giáo

Tác giả: **Trưởng lão Thích Thông Lạc**